

50 năm Vụ án xét lại chống Đảng

Phan Ba

Bối cảnh lịch sử

Sau khi Stalin qua đời năm 1953, Nikita Khrushchev lên nắm chức vụ bí thư thứ nhất của Đảng Cộng sản Liên xô. Tại Đại hội lần thứ 22 của Đảng, Khrushchev đọc bài diễn văn phê phán việc sùng bái cá nhân Stalin ("Về sùng bái cá nhân và những hậu quả của nó"). Nguyên tắc "chung sống hòa bình" bắt đầu xuất hiện trong các bài diễn văn của Khrushchev từ 1955. Ông tuyên bố rằng, mục tiêu bây giờ là chiến thắng chủ nghĩa tư bản trước hết bằng kinh tế và rồi bắt đầu thực hiện một loạt cải cách.

Các ý tưởng mới này của Liên Xô thâm nhập về Việt Nam qua nhiều đường. Hàng trăm sinh viên Việt Nam đã được gửi qua Liên Xô học bắt đầu từ năm 1954 và ít nhiều đều chịu ảnh hưởng của làn gió mới trên chính trường Xô viết. Một trong những người này là Hoàng Minh Chính, học tại trường Đảng ở Moscow từ 1957 đến 1960. Bên cạnh đó là giới trí thức trong nước ở miền Bắc. Tuy người dân miền Bắc, theo thông tin viên Đông Đức Kapfenberger, "...thuộc trong số những người dân được thông tin tồi tệ nhất..."¹, nhưng giới trí thức thông thạo tiếng Pháp và tiếng Nga vẫn còn có thể tiếp cận được với báo chí tiếng Nga và tiếng Pháp xuất bản từ Liên xô. Một nguồn thông tin khác là văn phòng của Thông tấn xã Liên xô tại Hà Nội mà người Việt vào thời gian đó vẫn còn có thể ra vào tương đối không bị cản trở. Thêm nữa, người Việt còn có thể tiếp xúc thường xuyên và tương đối tự do với một số người nước ngoài như với người Đức Erwin Bochers, người Pháp Albert Clavier. Đặc biệt Erwin Bochers và thông tin viên Đông Đức sau này Pommerening đều thường xuyên tiếp xúc với nhiều người như với Lê Liêm, Vũ Đình Huỳnh, Dương Bạch Mai và Phạm Viết. (Sau này chính Bochers cũng bị nghi ngờ là thuộc "thành phần xét lại", Lê Liêm bị cách chức và bị quản thúc tại gia, Dương Bạch Mai chết trong hoàn cảnh hết sức đáng ngờ năm 1964, còn Vũ Đình Huỳnh và Phạm Viết thì bị bắt năm 1967. Phạm Viết chết trong tù năm 1971.)

Những năm đầu tiên của thập niên 1960 ở miền Bắc

Qua đó, từ những năm đầu thập niên 1960, trong Đảng Lao Động và trong giới trí thức ở miền Bắc bắt đầu thành hình một nhóm người nghiêng theo chính sách chung sống hòa bình và tương đối cởi mở hơn của Liên bang Xô viết. Đứng đối nghịch lại với họ là phe nhóm đứng dưới quyền Lê Duẩn, chịu ảnh hưởng của tư tưởng Mao Trạch Đông, kiên quyết không chung sống hòa bình với chủ nghĩa tư bản và chủ trương tiến chiếm miền Nam thống nhất đất nước bằng bạo lực vũ trang.

Những người chống lại chính sách "chủ chiến" của phe Lê Duẩn – Lê Đức Thọ thường là giới trí thức hoặc chuyên môn, nhiều người đã từng học tại Liên Xô, đều thông thạo ngoại ngữ ví dụ như Tạ Quang Bửu và Bùi Công Trừng (cả hai người là Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước), Hoàng Minh Chính (Viện trưởng Viện Triết học Mác-Lênin), Minh Tranh (Giám đốc nhà xuất bản Sự Thật), Nguyễn Kiến Giang (Phó giám đốc nhà xuất bản Sự Thật) và nhiều cán bộ cao và trung cấp quanh Võ Nguyên Giáp.

Một trong những câu hỏi chính gây nhiều tranh cãi giữa hai phe phái là câu hỏi về chiến lược thống nhất đất nước. Một số trí thức ủng hộ đường lối chung sống hòa bình và phản đối việc dùng bạo lực vũ khí để thống nhất đất nước vì họ e ngại phải hy sinh quá lớn. Tuy vậy, họ không dám phản đối công khai chiến lược tiến hành chiến tranh để thống nhất đất nước của Lê Duẩn-Lê Đức Thọ-Nguyễn Chí Thanh. Lúc đó, chỉ cần đề cập đến "thống nhất trong hoà bình" là đã nguy hiểm rồi.² Thường thì

¹ *Die Partei und der Krieg*, Martin Großheim, trang 76

² Email Nguyễn Minh Căn gửi cho Martin Großheim, 20/07/2017. Trích dẫn theo *Die Partei und der Krieg*

những người này chỉ bày tỏ ý muốn đi tìm một khả năng thống nhất hai miền Nam Bắc phù hợp với chính sách chung sống hoà bình của Liên Xô. Người duy nhất công khai ủng hộ không úp mở chính sách chung sống hoà bình là Hoàng Minh Chính.

Minh Tranh, Giám đốc nhà xuất bản Sự Thật, qua một bài viết trong tháng 10 năm 1960 cũng hé lộ sự bất đồng quan điểm của mình. Ông cho rằng phải dành ưu tiên cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc trước và trong đấu tranh chống chính phủ Ngô Đình Diệm thì nhân dân miền Nam cần phải dựa trên sức lực của mình là chính. Minh Tranh đã đóng một vai trò đặc biệt trong xung đột với phe "chủ chiến" của Lê Duẩn. "Ông nổi lên như người phát ngôn chính cho những người hoài nghi chiến lược miền Nam của Lê Duẩn."³

Bài viết của Trường Chinh trong tờ Học Tập tháng 4 năm 1961 cũng đi theo cùng một đường hướng. Trường Chinh nhấn mạnh rằng nhân dân miền Nam là sức mạnh đấu tranh chống chế độ Diệm và Hoa Kỳ trực tiếp, trong khi miền Bắc phải tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng thời ông cũng phê bình rằng có vài đồng chí vẫn còn chưa hiểu hết tính chất khó khăn, phức tạp và lâu dài của cuộc cách mạng ở miền Nam. Sang đến năm 1962, Trường Chinh đã nhờ Trần Đình viết hồi ký với ý định dùng nó để "phát cờ tập hợp" về phe ông. Nhưng sau đó, Trường Chinh không dùng đến quyển hồi ký vì biết mình đã thua phe Lê Duẩn⁴.

Năm 1961 cũng là năm tác phẩm "Chiến tranh Nhân dân, Quân đội Nhân dân" của Võ Nguyên Giáp ra đời. Trong đó Giáp rút ra bài học từ cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp, rằng sự chuyển tiếp từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh vũ trang phải được chuẩn bị kỹ lưỡng và dài lâu. Với trọng tâm thành lập một nền tảng đấu tranh chính trị thay vì bước quá sớm vào giai đoạn tấn công quân sự, Giáp bước ra xa khỏi chiến lược thống nhất bằng vũ lực quân sự của phe Lê Duẩn. Vì thái độ cẩn trọng này mà những năm sau đó, ông bị Lê Duẩn và phe của Lê Duẩn cho là "hèn", "rụt rè", thậm chí còn có tư tưởng "hữu khuynh".⁵

Thêm vào đó, nhiều tiếng nói từ tầng lớp cán bộ trung cấp và từ giới trí thức ở miền Bắc cũng đã yêu cầu có "nhiều dân chủ hơn". Thế nhưng đứng trước tình hình căng thẳng ở miền Bắc và trước việc đất nước bị chia cắt, những yêu cầu này của họ dễ dàng bị xem là chống lại công cuộc tái thống nhất đất nước. Thông tin viên Đông Đức Pommerening tường thuật trong tháng 11 năm 1961 về trụ sở chính của ADN (Thông tấn xã Đông Đức) rằng nhiều nhân vật trí thức Hà Nội thường hay lui tới ngôi nhà Thông Tấn Xã Đông Đức mà "đồng chí Chiến Sỹ" (tức Erwin Borchers) vẫn còn sống trong đó và biểu lộ ý muốn có nhiều nguyên tắc dân chủ hơn nữa trong Đảng. Nhưng ý muốn này rõ ràng chỉ muốn "có nhiều dân chủ" hơn trong khuôn khổ của hệ thống chính trị cộng sản, chứ không muốn phá bỏ hệ thống đó.

Bắt đầu chiến dịch chống "Chủ nghĩa Xét lại" ở miền Bắc

Sang năm 1963, cuộc xung đột giữa hai phe bùng nổ lớn. Mở đầu cho cuộc tranh cãi này là bài báo của Minh Tranh, giám đốc Nhà Xuất Bản Sự Thật trong tờ Học Tập tháng 2 năm 1963. Bài báo bày tỏ sự lo ngại về việc đẩy mạnh việc tái thống nhất đất nước. Hoa Kỳ là một thế lực kinh tế và quân sự mạnh hơn thực dân Pháp trước đây rất nhiều và với sự hiện diện của 10.000 cố vấn Mỹ ở miền Nam Việt Nam, tình hình đã thay đổi. Minh Tranh cũng cảnh báo không nên xem thường các "định luật khách quan" của cách mạng và không nên coi trọng ý muốn chủ quan của con người quá nhiều. Đây là một lời phê bình hướng thẳng đến Tổng Bí thư Lê Duẩn và Tướng Nguyễn Chí Thanh, những người dựa vào các lập luận của Mao Trạch Đông và nhấn mạnh đến ý chí của con người trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù vượt trội về vật chất.

³ Latimer, Thomas Kennedy (1972). *Hanoi's Leaders and their South Vietnam Policies: 1954-1968*, trang 97, Ph. D. Diss, Georgetown University.

⁴ Đền Cù, Trần Đình, trang 10, NXB Người Việt Books, 2014

⁵ Martin Großheim phỏng vấn Phạm Văn Hùng, 17/09/2006.

Tháng 4 năm 1963, tờ Học Tập in một bài diễn văn của Lê Duẩn đọc tại Trường Đảng. Trong bài diễn văn này, Lê Duẩn phát biểu chống "Chủ nghĩa Xét lại Nam Tư" và cảnh báo "chủ nghĩa đầu hàng" trước "kẻ thù giai cấp". Theo Lê Duẩn, tin rằng có thể tiến lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường hòa bình là sai lầm. Người ta chỉ có thể chống lại các lực lượng phản cách mạng bằng bạo lực của "chuyên chính vô sản".

Đi theo cùng với giọng nói gay gắt hơn này là nhiều thay đổi về mặt nhân sự để làm suy yếu phe chống đối. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Ung Văn Khiêm bị Xuân Thủy thay thế và bị đẩy sang chức vụ Bộ trưởng Bộ Nội vụ kém quan trọng hơn. Phòng Việt Nam trong Bộ Ngoại giao của CHDC Đức thời gian này cũng nhận được những thông tin bí mật mà "...theo đó, các chức vụ lãnh đạo trong phòng báo chí của Trung ương Đảng và của Bộ Ngoại giao, trong các cơ quan báo chí, thông tấn xã, đài phát thanh và Tuyên truyền được giao về cho các đồng chí 'theo đường lối Trung Quốc một cách cứng rắn'."⁶ Các thay đổi nhân sự này trong chính phủ và bộ máy tuyên truyền cũng nhằm phục vụ cho chuyến thăm chính thức của Chủ tịch nước Trung Quốc Lưu Thiệu Kỳ trong tháng 5 năm 1963. Bản tuyên bố chung lên án "Chủ nghĩa Xét lại" và "Chủ nghĩa Cơ hội Hữu khuynh" như là mối nguy hiểm chính cho phong trào cộng sản quốc tế.

Hè 1963, bầu không khí chính trị ở miền Bắc càng lúc càng căng thẳng hơn. Tháng 8 năm 1963, Liên bang Xô viết ký kết hiệp định chấm dứt thử bom nguyên tử với Hoa Kỳ và Liên hiệp Anh, nước VNDCCH tiếp tục rời xa đường lối của Liên xô. Đại sứ quán CHDC Đức, thông qua thông tin viên Pommerening và Chiến Sỹ (Erwin Borchers) nhận được thông tin về một lá thư nội bộ của Trung ương Đảng Lao Động gửi cho tất cả các chi bộ mà trong đó nói rằng Đảng Lao Động chống lại hiệp định đó vì nó tạo nên ảo tưởng về chủ nghĩa tư bản ở nhân dân, làm suy yếu tính sẵn sàng tính sẵn sàng phòng thủ của phe xã hội chủ nghĩa, đào sâu sự chia cắt của phong trào công nhân cộng sản và quốc tế. Trong một cuộc họp các cán bộ cao cấp, Bí thư Đảng Lê Duẩn công khai tấn công quan điểm của Liên xô. Khi người Pháp Albert Clavier, làm việc cho tờ *Le Vietnam en marche*, đưa ra câu hỏi rằng phải ứng xử như thế nào khi là đảng viên của Đảng Cộng sản Pháp đã ủng hộ hiệp định đó, thì Lê Duẩn đã nổi giận và gọi Maurice Thorez, Chủ tịch Đảng Cộng sản Pháp, là "tên phản bội giai cấp công nhân Pháp"⁷.

Tướng Nguyễn Chí Thanh, thuộc trong số những người ủng hộ đầy mạnh thống nhất bằng một chiến lược hiếu chiến, với một bài viết trong báo Học Tập đã phản hồi trực tiếp bài viết của Minh Tranh hồi tháng 2 năm 1963. Ông cho rằng tuy Hoa Kỳ mạnh hơn "các thế lực đế quốc" khác, nhưng không phải là bất khả bại. Nỗi sợ hãi Hoa Kỳ và sợ hãi một cuộc chiến tranh hạt nhân, theo Nguyễn Chí Thanh, chỉ dẫn tới "chủ nghĩa đầu hàng" trước "đế quốc Mỹ". Ngoài ra ông cũng phê phán việc áp dụng thuyết chung sống hòa bình vào Việt Nam, tức là ý nghĩ cho rằng vấn đề thống nhất đất nước sẽ tự nó được giải quyết khi miền Bắc phát triển về kinh tế mạnh hơn miền Nam. Những lời phê phán không che đậy này không chỉ hướng đến Minh Tranh mà đến cả toàn bộ phe chủ hòa, muốn xây dựng miền Bắc trước hết. Lời cáo buộc về "chủ nghĩa xét lại" đã nằm lơ lửng trong không khí.

Minh Tranh sau đó mất chức giám đốc nhà xuất bản và bị giao cho giữ một chức vụ nhỏ ở Nam Định 12 năm. Ông là một trong những nạn nhân đầu tiên của "Vụ án Xét lại chống Đảng".

Cũng trong mùa hè 1963, theo một báo cáo dài của Đại sứ quán Đông Đức, "các phần tử theo Liên xô" trong Đảng Lao Động bị cô lập có hệ thống. Thậm chí Võ Nguyên Giáp, theo thông tin của nhiều nguồn, cũng bị quản thúc tại gia. Lê Duẩn gây áp lực với Hồ Chí Minh rằng ông hoặc là đi cùng với Bộ Chính Trị hoặc là bước ra khỏi đó⁸. Theo Bibow, đại diện cho sứ quán Đông Đức tại Hà Nội, ngoài ra tin đồn còn được lan truyền đi trong giới đảng viên, rằng Hồ Chí Minh đã phạm phải hai sai lầm lớn, một lần năm 1945 khi ông bước vào thỏa hiệp với người Pháp và lần thứ nhì là năm 1954

⁶ Trích dẫn theo Martin Großheim, *Die Partei und der Krieg*, trang 98.

⁷ *De l'Indochine coloniale au Vietnam libre. Je ne regretted rien*. Albert Clavier, Paris: Les Indes Savantes, 2008. Trích dẫn theo Martin Großheim, *Die Partei und der Krieg*.

⁸ *Die Partei und der Krieg*, Martin Großheim, trang 114-115

khi chấp nhận Hiệp định Geneve chia đôi đất nước. Thật ra, giữa tình hình căng thẳng lúc đó, những tin đồn này chỉ là công cụ tuyên truyền gây áp lực để lên án mọi chiến lược chủ hòa là "phản bội cách mạng".

Đầu tháng 9, báo Nhân Dân đăng một bài viết của Lê Đức Thọ. Trong đó, ông yêu cầu tất cả các đảng viên phải tuyệt đối tuân theo đường lối của Đảng. Một số ít đảng viên mang tư tưởng hữu khuynh và "xét lại", và vì vậy mà nghi ngại chiến lược thống nhất đất nước của Đảng. Họ cũng không đồng tình với tốc độ tập thể hóa nông nghiệp và tuyên truyền cho một sự hợp tác kinh tế trên bình diện quốc tế thay vì một hệ thống kinh tế tự cung tự cấp được lãnh đạo Đảng ủng hộ. Một số đảng viên thiếu tính "kỷ luật Đảng", lan truyền những quan điểm không phù hợp với các nghị quyết của Đảng. Lê Đức Thọ nhấn mạnh rằng Đảng sẽ đấu tranh không khoan nhượng chống lại các xu hướng phi vô sản, hữu khuynh, chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa xét lại hiện đại. Ông yêu cầu phê bình và "giáo dục" hay thi hành kỷ luật đối với những đảng viên không tuân theo các nghị quyết của Đảng.

Số tháng 10 của tờ Học Tập đăng một bài viết của Tướng Nguyễn Chí Thanh lên án ảnh hưởng của "chủ nghĩa xét lại hiện đại" trong Đảng. Cũng như Thọ, Thanh cho rằng một vài đảng viên vẫn còn ủng hộ những ý tưởng "hữu khuynh". Ông cũng phê phán các đảng viên mang tư tưởng "cá nhân", "bi quan", e ngại những hy sinh và gian khổ của một cuộc đấu tranh vũ trang nhằm thống nhất đất nước và yêu cầu phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh tư tưởng trong Đảng.

Với cuộc "đấu tranh tư tưởng" này, phe Lê Duẩn-Lê Đức Thọ muốn tấn công cả những người không đồng tình với chiến lược dùng vũ lực thống nhất đất nước lẫn những người bất đồng ý kiến với họ trong chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Đại sứ quán các nước Đông Âu ở Hà Nội đều không hài lòng với thái độ càng lúc càng hướng đến hệ tư tưởng Trung Quốc của giới lãnh đạo miền Bắc. Theo thông tin của Mieczylaw Maneli, thành viên Ba Lan trong Ủy ban Kiểm soát Quốc tế, tinh thần chung trong giới ngoại giao Đông Âu ở Hà Nội là giới lãnh đạo miền Bắc nên tập trung phát triển hòa bình đất nước trước đã và họ thấy không cần thiết phải gia tốc giải pháp dùng vũ lực để thống nhất đất nước. Cả thông tin viên Fourniau của tờ *Humanité* cũng tường thuật rằng nhiều người ngoại quốc ở miền Bắc e ngại việc leo thang chiến tranh ở miền Nam sẽ gây nguy hiểm cho nền hòa bình thế giới và vì vậy mà nên hướng tới một giải pháp "hòa bình thỏa hiệp" thì hơn⁹. Đại sứ quán Đông Đức ở Hà Nội và Bộ Ngoại giao Đông Đức trong thời gian này cũng đã nhiều lần phê phán giới lãnh đạo Đảng Lao Động đã không hề cân nhắc đến một giải pháp hòa bình cho việc thống nhất đất nước.

Trong tình hình căng thẳng đó, Dương Bạch Mai đưa cho Đại sứ quán Đông Đức tại Hà Nội một danh sách bí mật mà theo Bibow, bí thư thứ hai của sứ quán, thì đó là những người "ủng hộ một đường lối Mác-xít Lê-nin-nít thật sự". Sứ quán các nước Đông Âu khác ở Hà Nội cũng biết danh sách này. Đây cũng là một dấu hiệu cho thấy việc đấu tranh giữa hai phe trong Đảng đã thêm phần gay gắt trước Hội nghị Trung ương lần thứ 9. Danh sách này gồm 19 tên: *Bùi Công Trùng*, phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước, Viện trưởng Viện Kinh tế học; *Lê Liêm*, thứ trưởng Bộ Văn hóa, Chủ nhiệm Văn phòng Văn hóa Giáo dục Phủ Thủ tướng, chủ nhiệm chính trị mặt trận Điện Biên Phủ; *Ung Văn Khiêm*, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ (trước đó là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao), Tướng *Võ Nguyên Giáp*, Ủy viên Bộ Chính trị và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; *Vũ Đình Huỳnh*, thư ký của Hồ Chí Minh, trưởng ban Nghi lễ Bộ Ngoại giao; *Tạ Quang Bửu* và *Nguyễn Khánh Toàn*, cả hai đều là phó chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước. Tạ Quang Bửu đã từng học đại học ở Pháp và Anh, sau đó là bộ trưởng đầu tiên của Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp. Nguyễn Khánh Toàn học đại học ở Moscow (1928 đến 1931), quen biết Hồ Chí Minh ngay từ thời kỳ đầu của phong trào cộng sản ở Việt Nam. Tiếp theo đó là *Nguyễn Đình Thi*, nhà thơ và là tổng thư ký Hội Nhà văn; *Lưu Trọng Lư*, cũng là nhà văn và thành viên Ban Chấp hành Hội Nhà Văn, *Minh Chi* giảng dạy ở trường Đại học Kinh tế Tài chính Hà Nội, một trong những người thường xuyên trao đổi với

⁹ *Die Partei und der Krieg*, Martin Großheim, trang 119.

thông tin viên Đông Đức Pommerening. Sau đó là một loạt thẩm phán như *Nguyễn Văn Trạch*, *Diệp Ba* và *Phạm Văn Bạch* và một vài bộ trưởng, thứ trưởng như *Nguyễn Đức Quý*, thứ trưởng Bộ Văn hóa, *Nguyễn Văn Tạo*, Bộ trưởng Bộ Lao Động, *Trần Hữu Dực*, Chủ nhiệm Văn phòng Nông nghiệp Phủ Thủ Tướng và *Song Hào*, thứ trưởng Bộ Quốc phòng.

Những người trong danh sách này không cùng thuộc trong một "nhóm đối lập" chống lại phe Lê Duẩn - Lê Đức Thọ. Thế nhưng có thể nhìn thấy sự phản kháng tập trung trong quân đội quanh Tướng Võ Nguyên Giáp, trong nhóm giới trí thức và trong giới đảng viên lão thành đã học cùng với Dương Bạch Mai ở Moscow.

Không rõ tại sao Dương Bạch Mai lại ghi tên Nguyễn Đình Thi và Song Hào vào danh sách này. Nguyễn Đình Thi đã đóng một vai trò quan trọng bên cạnh Tố Hữu trong chiến dịch chống "Nhóm Nhân văn Giai phẩm". Song Hào từ năm 1967 sẽ là thành viên của ủy ban xem xét "Vụ án xét lại chống Đảng".

Việc trao ra những thông tin nhạy cảm như vậy cho Đại sứ quán Đông Đức tại Hà Nội cho thấy cuộc đấu tranh giữa hai phe phái đã leo thang cao, cái sẽ bùng nổ ra trong Hội nghị Trung ương của Đảng Lao Động vào cuối năm 1963.

Hội nghị Trung ương lần thứ 9

Ngay trước khi Hội nghị Trung ương lần thứ 9 bắt đầu vào ngày 22 tháng 11 năm 1963, độ chừng 50 cán bộ trung cấp đã gửi thư về Trung ương Đảng, yêu cầu giữ đường lối trung dung giữa Liên Xô và Trung Quốc và không tiếp tục nghiêng sang quan điểm của Bắc Kinh. Theo thông tin của Đại sứ quán Đông Đức và của thông tấn xã Đông Đức ADN tại Hà Nội, những yêu cầu xuất phát từ các cán bộ như Đặng Thái Mai, Tạ Quang Bửu, Bùi Công Trùng, Hoàng Minh Chính, Ung Văn Khiêm đưa ra. Ngoại trừ Hoàng Minh Chính, tất cả những người còn lại đều có tên trên danh sách của Dương Bạch Mai.

Kéo dài cho tới tháng 1 năm 1964, Hội nghị Trung ương lần này đã chứng kiến những tranh cãi gay gắt giữa hai phe. Bùi Công Trùng phát biểu chống các quan điểm "theo Trung Quốc" và phê phán thái độ quay lưng lại với Liên Xô hùng hồn cho tới mức cả Hồ Chí Minh cũng không thể ngăn không cho ông nói tiếp. Tạ Quang Bửu dọa sẽ từ bỏ tất cả các chức vụ của ông và trở về làm giáo sư giảng dạy đại học bình thường nếu như giới lãnh đạo Đảng quay sang phía Trung Quốc. Lê Liêm, Ung Văn Khiêm tại đại hội là những người chống "đường lối theo Trung Quốc" kịch liệt nhất. Theo nhiều nguồn, Hồ Chí Minh đã bị bộ ba Lê Duẩn, Lê Đức Thọ và Nguyễn Chí Thanh đẩy ra rìa và không còn đóng một vai trò quyết định nào nữa tại hội nghị này. Số phận của Tướng Võ Nguyên Giáp cũng tương tự. Nhưng đặc trưng cho tính cách cá nhân của Giáp là việc ông không công khai chống lại đường lối chủ chiến của Lê Duẩn trong những khoảnh khắc quyết định và cũng không đứng ra che chở cho những người cộng sự thân cận như Lê Liêm, những người mà sau này sẽ phải trả giá đắt cho sự phê phán của họ.

Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 9 cho thấy rõ rằng Đảng Cộng sản Việt Nam đã đi theo đường lối của Trung Quốc. Nghị quyết, tương tự như trong bài diễn văn của Lê Duẩn, lên án rằng "Chủ nghĩa Xét lại" đã phản bội Chủ nghĩa Mác-Lênin và tuyên truyền cho mô hình chung sống hòa bình thay vì hỗ trợ cho cuộc đấu tranh cách mạng chống Chủ nghĩa Đế quốc. Nghị quyết nhấn mạnh rằng một vài cán bộ đã mang quan điểm xét lại và vì vậy mà chống lại những biện pháp nhất định nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chống lại những nỗ lực đấu tranh thống nhất đất nước và yêu cầu phải "giáo dục có hệ thống" các cán bộ và đảng viên về chủ nghĩa Mác-Lênin.

Trong một nghị quyết bí mật, Hội nghị Trung ương lần thứ 9 quyết định tăng tốc cuộc đấu tranh ở miền Nam bằng cách đẩy mạnh sự trợ giúp về quân sự cho Mặt trận Giải phóng. Giới lãnh đạo Đảng cuối cùng đã quyết định chọn con đường quân sự để thống nhất đất nước.

Chiến dịch chống "Chủ nghĩa Xét lại hiện đại" năm 1964

Đầu năm 1964, Đại sứ quán Đông Đức tại Hà Nội báo cáo về nước rằng Đảng Cộng sản Việt Nam đang khởi động "một chiến dịch tư tưởng hệ nhằm đe dọa các lực lượng Mác-xít-Leninít và để vượt qua sự chống đối của họ"¹⁰. Lê Đức Thọ viết một loạt bài trên báo Nhân Dân nhằm phát động chiến dịch và tạo áp lực lên các đối thủ trong Đảng. Lê Đức Thọ phê phán không những phê phán thái độ nghi ngại của một vài cán bộ đối với chiến lược dùng vũ lực thống nhất đất nước mà cả việc họ không đồng ý tăng cường đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Lê Đức Thọ công khai thừa nhận một nhóm nhỏ đảng viên không đi theo đường lối của Đảng, thông báo sẽ có những biện pháp chống lại các "xu hướng xét lại" và "khuynh hữu" và yêu cầu chấm dứt những "hành động bẻ phái, chia rẽ".

Chiến dịch chống Chủ nghĩa Xét lại có ảnh hưởng rất lớn lên bầu không khí chính trị ở miền Bắc suốt cả năm 1964 và kéo dài sang cả năm 1965. Nhiều bài báo của Phạm Hùng và Hoàng Văn Thái nhấn mạnh rằng miền Bắc phải tự lực là chính trong công cuộc đấu tranh của mình. Các yếu tố vật chất không phải là yếu tố quyết định mà con người mới là yếu tố quyết định. Nhiều bài báo cảnh cáo không nên nghĩ rằng có thể thống nhất đất nước bằng giải pháp hòa bình.

Minh Tranh, Giám đốc nhà xuất bản Sự Thật đã bị cô lập dần ngay từ năm 1963 sau bài viết của ông hồi tháng 2 năm 1963 và bị "đày" về Nam Định. Nguyễn Kiến Giang, Phó Giám đốc nhà xuất bản, đang học trường Đảng ở Moscow từ 1962 cũng bị gọi về nước sau Hội nghị Trung ương 9 như tất cả các cán bộ ở Đông Âu khác. Từ 1964 cho tới năm 1967, ông bị bắt đi "thực tế" ở Thái Bình và Quảng Bình.

Văn Doãn, tổng biên tập báo Quân Đội Nhân Dân, vào thời điểm Hội nghị 9 đang học ở trường Đảng Liên xô, khi bị gọi trở về Hà Nội đầu năm 1964 đã xin ở lại ty nạn chính trị tại Liên Xô cùng với Lê Vinh Quốc, nguyên phó chính ủy Đại đoàn 308 và Nguyễn Minh Cần, thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Hà Nội. Trước đó, tờ Quân Đội Nhân Dân đã bị Tổng cục Chính trị Quân đội gọi là "lô cốt của chủ nghĩa xét lại hiện đại". Phần lớn nhân viên của tờ báo không đồng tình với các nghị quyết của Hội nghị Trung ương 9, nhưng chỉ dám phát biểu hết sức cẩn trọng. Sau khi Văn Doãn xin ty nạn chính trị ở Liên xô, Tổng cục Chính trị giao cho Bùi Tín khám xét lại nội dung những bài báo của tờ Quân Đội Nhân Dân trong vòng mấy năm qua. Tuy Bùi Tín không phát hiện ra vi phạm nghiêm trọng nào, nhưng thật ra đây chỉ là một cái cớ để thanh lọc các "phần tử xét lại" ra khỏi tòa soạn báo Quân Đội Nhân Dân. Ví dụ như Đào Duy Dính tức Đào Phan, em trai của Đào Duy Anh, bị đẩy sang Viện Bảo tàng Quân đội. Đào Duy Dính đã phê bình công khai các nghị quyết của Hội nghị Trung ương 9 và cố gắng chứng minh rằng chúng không phù hợp với Chủ nghĩa Marx-Lênin.

Chiến dịch thanh lọc này cũng nhắm tới Ủy ban Khoa học Nhà nước. Đầu tiên, Lê Duy Vân, một cán bộ của Ban Tổ chức Trung ương trực thuộc Lê Đức Thọ, được cử làm bí thư Đảng ủy. Bùi Công Trừng và Hoàng Minh Chính bị cô lập. Không một ai dám nói chuyện với họ vì sợ liên lụy.

Trong các khóa học tập được tổ chức sau Hội nghị Trung ương lần thứ 9, Liên bang Xô viết bị đã kích trực tiếp. Truyền thanh cũng được sử dụng để phát đi tuyên truyền của Trung Quốc, chửi rủa "những tên xét lại" là "những kẻ theo chủ nghĩa đầu hàng".

Trao đổi văn hóa với Liên xô bị cắt giảm. Thậm chí các khóa dạy tiếng Nga cũng bị giải tán. Những người Việt nào tiếp xúc với người ngoại quốc và giới ngoại giao từ những nước Đông Âu đều có thể bị xếp vào "thành phần xét lại". Cán bộ làm việc trong các cơ quan nhà nước nhận được chỉ thị tránh tiếp xúc với người nước ngoài và phải báo cáo với cơ quan khi có trao đổi thư từ với người

¹⁰ Báo cáo của Đại sứ quán Đông Đức tại Hà Nội. Trích dẫn theo Martin Großheim, *Die Partei und der Krieg*, trang 132.

nước ngoài, đặc biệt là với công dân Liên bang Xô viết. Bây giờ, khi muốn vào văn phòng của các thông tấn xã nước ngoài, người ta phải cần đến một giấy giới thiệu.

Franz Farber, người năm 1954 là nhà báo Đức đầu tiên sang thăm miền Bắc theo lời mời của Hồ Chí Minh, khi sang thay thế thông tấn viên Đông Đức Pommerening năm 1964 đã nhận rõ được bầu không khí căng thẳng lúc đó:

"...chúng tôi trong con mắt của Đảng và chính phủ ít nhất là những người nước ngoài gây phiền toái [...]. Và ngoài ra thì cho tới nay vẫn còn chưa có người Việt nào bước vào ngôi nhà của ADN mà không có giấy phép. Ai cũng sợ người khác. Không còn ai dám tiếp xúc cá nhân với người nước ngoài nữa."¹¹

Những người nước ngoài trước đây đào ngũ chạy sang với Việt Minh như Georges Boudarel, Erwin Borchers và Albert Clavier đều bị xếp vào hàng "xét lại". Nhân viên ngoại giao nước ngoài bị tăng cường kiểm soát và bị hạn chế đi lại.

Tình hình căng thẳng này kéo dài cho tới khi Khrushchev bị lật đổ.

Hòa hoãn với Liên Xô

Tháng 10 năm 1964, Hà Nội nhẹ nhõm khi Khrushchev bị lật đổ, Brezhnev nắm lấy chức vụ bí thư thứ nhất. Khrushchev, bị Hà Nội gọi bằng "thằng đầu trọc", đã trở thành tên xấu xa trong thời của chiến dịch chống chủ nghĩa xét lại. Vì chính sách chung sống hòa bình của ông mà hàng chục năm sau này Khrushchev vẫn còn bị nhiều lãnh đạo chính trị Việt Nam như Tố Hữu căm ghét không che giấu.

Nhưng còn quan trọng hơn lần lật đổ Khrushchev là tình hình chiến tranh leo thang ở Việt Nam. Tháng 3 năm 1965, tổng thống Hoa Kỳ Johnson tiến hành chiến tranh ném bom miền Bắc có hệ thống và đồng thời với cuộc chiến tranh ném bom, những đơn vị đầu tiên của quân đội mặt đất Hoa Kỳ đổ bộ lên bãi biển Đà Nẵng. Giới lãnh đạo Bắc Việt Nam bây giờ nhận ra rằng họ cần phải dựa vào sự giúp đỡ của Liên Xô để nhận được vũ khí tối tân.

Về phía mình, cùng với lần tham chiến trực tiếp của Hoa Kỳ ở Việt Nam, giới lãnh đạo mới của Liên bang Xô viết nhận ra rằng họ không còn có thể đứng ngoài cuộc xung đột này được nữa. Một mặt họ trợ giúp về quân sự và kinh tế cho miền Bắc, mặt khác họ ủng hộ những giải pháp đàm phán để không bị lôi kéo sâu thêm nữa vào trong cuộc xung đột này và không phải từ bỏ chính sách giảm căng thẳng với Phương Tây.

Giới lãnh đạo miền Bắc đối phó với sự tham chiến trực tiếp của Hoa Kỳ bằng một chiến lược hiệu chiến. Tướng Nguyễn Chí Thanh, lãnh đạo Trung Ương cục miền Nam, bảo vệ quan điểm cho rằng quân đội miền Bắc và quân Giải Phóng nhờ vào tinh thần chiến đấu cao mà có thể đối đầu được với quân đội Hoa Kỳ. Một quan điểm cũng được Lê Duẩn ủng hộ. Vì vậy, tướng Thanh tiến hành một chiến lược đối đầu trực tiếp mang lại nhiều tổn thất. Theo thông tin chính thức của Hoa Kỳ, cho tới cuối năm 1967 đã có tới 220.000 quân đối phương tử trận.

Chiến lược này của Lê Duẩn và Nguyễn Chí Thanh đã bị phê phán ngay từ cuối năm 1965, đặc biệt là từ những phe nhóm nghiêng về phía Liên Xô, những người mà bây giờ dám cất tiếng nói trở lại nhờ vào không khí cởi mở hơn đối với Liên Xô. Ví dụ như nhân viên của thông tấn xã Đông Đức, Erwin Borchers, đã tường thuật lại những cuộc trao đổi với Nguyễn Khánh Toàn, Lê Liêm, Phạm Viêt, cũng như Vũ Đình Huỳnh. Trong một cuộc trao đổi với ông ấy, Nguyễn Khánh Toàn đã thừa nhận rằng miền Bắc đã đánh giá sai lầm sức chiến đấu của Hoa Kỳ. "Chúng tôi đã máy móc đặt người Mỹ ngang với người Pháp, những người mà chúng tôi đã đánh bại họ, mà không nhìn thấy rằng người

¹¹ Trích dẫn theo Martin Großheim, *Die Partei und der Krieg*, trang 145.

Mỹ có sức mạnh kinh tế và quân sự lớn hơn người Pháp rất nhiều."¹² Cũng theo Erwin Borchers, bên cạnh sự hào hứng với chiến tranh tại phần lớn giới trẻ cũng đã có những tiếng nói hoài nghi như của một người lảng giềng: "... Tôi không hiểu tại sao người ta xây dựng mười năm trời và rồi lại đi tới chiến tranh."¹³

Phe "chủ hòa" ở Hà Nội, gồm những cán bộ như Lê Liêm, được Liên Xô ủng hộ vì nước này không muốn gây nguy hiểm đến chính sách giảm căng thẳng với Phương Tây, tuy là họ vẫn viện trợ quân sự cho Hà Nội.

Phe "chủ chiến", những người muốn tiếp tục tiến hành cuộc chiến và từ chối đàm phán, ngược lại nhận được sự hỗ trợ từ Bắc Kinh. Phạm Viêt, biên tập viên của tờ báo Thời Mới tường thuật cho Erwin Borchers năm 1965 về một chuyến viếng thăm của Hồ Chí Minh ở Bắc Kinh mà trong đó phía Trung Quốc cương quyết từ chối mọi đàm phán với Hoa Kỳ.

Tháng 2 năm 1966, Lê Đức Thọ trong một bài xã luận trên tờ báo Đảng đã nói về "một số ít các đồng chí" có "những quan điểm sai lầm và lệch lạc". Tháng 7 năm 1966 tướng Nguyễn Chí Thanh viết một bài báo đăng trên tờ Học Tập. Trong bài báo này ông bảo vệ chiến lược tấn công của mình và cảnh cáo không nên đánh giá quá cao sức mạnh của kẻ địch, phê phán "những phương pháp phân tích máy móc", "hữu khuynh". Ngoài ra ông còn phê phán "cách đánh giá trừu tượng sức chiến đấu của quân lính Mỹ", cái không xem xét đến yếu tố của "cuộc đấu tranh chính trị" và trước hết là chỉ nhìn tới quân số của các lực lượng Mỹ ở miền Nam. Lời phê bình này của Thanh chĩa mũi dùi vào đối thủ cạnh tranh của ông là Võ Nguyên Giáp vì Tướng Giáp ủng hộ một chiến lược chống quân đội Mỹ cần trọng hơn để tránh phung phí "nguồn nhân lực và kỹ thuật".

Nhưng cả bài báo này của Nguyễn Chí Thanh cũng không dập tắt được những thảo luận về đường lối tiến hành chiến tranh của ông ấy và về những khả năng của một giải pháp đàm phán. Liên bang Xô viết, thời gian sau này đã trở thành nước viện trợ quân sự nhiều nhất cho miền Bắc, cố gắng dùng điều đó để gây ảnh hưởng lên chính trị. Đại sứ quán Liên Xô tại Hà Nội cố gắng thúc giục giới lãnh đạo miền Bắc đi đến một giải pháp đàm phán, tăng cường tiếp xúc với những người mà họ cho rằng nghiêng về phía Xô viết. Cuối năm 1966, Đại sứ quán nước CHDC Đức và thông tin viên của thông tấn xã Đông Đức Klaus Anton cũng xác nhận rằng phe "hòa hoãn" và "thân Liên Xô" đang tăng thanh thế.

Đây cũng là một phản ứng trước sức ép của Trung Quốc, yêu cầu Hà Nội không đàm phán với Hoa Kỳ và cố gắng mang Cách mạng Văn hóa vào miền Bắc.

Mặc dù tình hình đối nội ở Bắc Việt Nam đã giảm căng thẳng và các quan hệ của Hà Nội với Liên bang Xô viết và các quốc gia xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu khác đã được cải thiện nhưng giới lãnh đạo Hà Nội vẫn không hoàn toàn cởi mở với Liên Xô và không đưa cho họ nhiều thông minh quan trọng về diễn tiến của cuộc chiến, về các mối quan hệ với Trung Quốc và về tình hình đối nội. Nhân viên của đại sứ quán Liên Xô ở Hà Nội và các nhà ngoại giao của nước cộng hòa Dân chủ Đức bị các cơ quan an ninh của Việt Nam giám sát để ngăn chặn không cho họ tiếp xúc với người Việt. Bên phía Việt Nam, những người bị xem là "xét lại" cũng bị an ninh theo dõi, ví dụ như Trần Thu, Hoàng Thế Dũng, báo hiệu trước những gì sẽ xảy ra trong năm 1967.

Chiến tranh leo thang và vai trò của Trung Quốc

Bước sang năm 1967 chiến tranh leo thang cả ở miền Bắc với những cuộc ném bom được tăng cường lẫn ở miền Nam với những trận đánh gây nhiều tổn thất.

¹² Như trên, trang 196.

¹³ Như trên, trang 195

Ở miền Bắc, cộng thêm vào với sự tàn phá qua chiến tranh ném bom của người Mỹ là những khó khăn trong cung cấp lương thực thực phẩm. Trong một cuộc trao đổi với đại sứ quán nước Cộng hòa Dân chủ Đức trong tháng 4 năm 1967 Bộ trưởng Bộ Nội vụ Ung Văn Khiêm đã tường thuật lại các ấn tượng của ông qua một chuyến đi thăm đất nước:

"Hậu quả thật đáng sợ, không thể tưởng tượng được... Người dân đã làm được những việc không thể tưởng tượng được. Nhưng cả ở đây cũng có ranh giới của nó: Tất cả mọi người đã chuyển sang ăn không có thịt. Hơn 3 triệu người chỉ có thể ăn mỗi ngày một bữa."¹⁴

Việc cung cấp lương thực thực phẩm lại càng gặp thêm nhiều khó khăn vì thu hoạch vụ mùa năm 1966 rất kém, cung cấp từ Liên Xô và Trung Quốc thì bị cản trở bởi những hỗn loạn của cuộc Cách mạng Văn hoá. Cuộc di tản người dân thành phố về nông thôn vì chiến tranh ném bom của người Mỹ cũng càng lúc càng khó khăn hơn.

Trước bối cảnh đó, bầu không khí chính trị ở Bắc Việt Nam bắt đầu nóng lên từ đầu năm 1967, một phần cũng từ những nỗ lực của Đại sứ quán Trung Quốc ở Hà Nội nhằm mang cuộc Cách mạng Văn hóa sang Bắc Việt Nam. Nhân viên của thông tấn xã Đông Đức ADN tường thuật trong tháng 2 năm 1967 rằng sinh viên Trung Quốc đã quây phá trước đại sứ quán Liên Xô ở Hà Nội. Công an Việt Nam bắt buộc phải can thiệp và dựng rào cản không cho tiếp cận đến cả hai đại sứ quán. Ngoài ra Công an Hà Nội còn tịch thu các tài liệu tuyên truyền mà công dân Việt Nam đã nhận được từ đại sứ quán Trung Quốc và cố gắng ngăn chặn không cho sứ quán Trung Quốc phát tán văn học Trung Hoa.

Đồng thời Trung Quốc cũng dựa vào lực lượng 240.000 lính của họ ở các tỉnh phía Bắc để gây áp lực lên Hà Nội và quảng bá cho cuộc Cách mạng Văn hóa. Vào giữa tháng hai của năm đó, một số lớn Hồng Vệ Binh từ Trung Quốc cải trang thành những nhóm lính xây dựng hành quân qua biên giới sang Lào Cai và tổ chức nhiều cuộc mít tinh lớn, dán nhiều "đại bích báo" khắp thành phố mà trên đó có những câu khẩu hiệu như "Mọi đàm phán đều là một sự phản bội dân tộc Việt Nam". Sau khi thành phố Lào Cai can thiệp, các Hồng Vệ Binh, người nào cũng đều đeo một bức chân dung thật to của Mao ở trên lưng, lại đi trở về Trung Quốc.

Theo thông tin của đại sứ quán Đông Đức tại Hà Nội, người Trung Quốc phát truyền đơn ở Bắc Việt Nam loan tin rằng Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp có kế hoạch đảo chính lật đổ Hồ Chí Minh. Đài phát thanh Quảng Châu và các tờ báo tường ở Nam Trung Quốc cũng nhắc lại những cáo buộc chống tướng Giáp tương tự như thế. Trong đó, Giáp "theo Liên Xô" đã bị gọi là "tên xét lại hàng đầu". Theo ghi nhận của Đại sứ quán Đông Đức ở Bắc Kinh, trong những tài liệu nội bộ của Trung Quốc từ năm 1967 người ta đã quả quyết rằng đảng Lao Động bị chia rẽ ra thành hai nhóm mà trong đó "phe xét lại có lúc đã chiếm ưu thế". Thông tin này được lan truyền trong tỉnh Quảng Tây nhiều cho tới mức Tổng lãnh sự của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại đó phải trình một thư phản đối.

Mặt khác, sự hỗn loạn của cuộc Cách mạng Văn hóa đã có ảnh hưởng xấu đến việc chuyên chở các thiết bị quân sự từ Liên Xô qua lãnh thổ Trung Quốc sang Việt Nam. Hồ Chí Minh và những người khác đã nhiều lần đề cập đến việc này tại các cuộc gặp gỡ với lãnh đạo Trung Quốc.

Tình hình ở Trung Quốc, cố gắng xuất khẩu Cách mạng Văn hóa sang Việt Nam của giới lãnh đạo Trung Quốc cũng như tình hình quân sự bất phân thắng bại nhưng lại đẫm máu trong miền Nam đã gây ra nhiều cuộc thảo luận căng thẳng trong Đảng Cộng sản. Một bên là phe chủ hoà, được Liên bang Xô viết ủng hộ, kêu gọi thương lượng với Hoa Kỳ. Một bên là phe chủ chiến, dưới ảnh hưởng của Trung Quốc không những muốn duy trì chiến lược tấn công mà còn kêu gọi chủ động tiến hành một cuộc tổng tiến công để phá vỡ tình hình trì trệ trên chiến trường miền Nam.

Bắt đầu từ tháng 5 năm 1967 có những dấu hiệu cho thấy rằng tại những cuộc thảo luận trong giới lãnh đạo Bắc Việt, phe chủ chiến đã bắt đầu thắng thế. Trong mùa hè năm 1967, Hà Nội bắt đầu có

¹⁴ Như trên, trang 206.

những kế hoạch cụ thể cho một cuộc tổng tiến công quân sự lớn ở miền Nam, cái cuối cùng đã bắt đầu vào ngày 30 tháng 1 năm 1968: Tết Mậu Thân.

Kế hoạch mới này được bàn thảo tại cuộc họp ngày 18 và 19 tháng 7 năm 1967 của Bộ Chính trị. Trong cuộc họp này, Võ Nguyên Giáp vẫn tiếp tục phản đối ý định tổng tấn công về quân sự và đã bị Lê Duẩn cáo buộc là "sợ Mỹ". Hồ Chí Minh thì gọi kế hoạch đó là "chủ quan" tức có nghĩa là không thực tế. Mặc cho những phản đối của Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp, kế hoạch này vẫn được tiếp tục phát triển. Tình hình an ninh được siết chặt qua nhiều đợt bắt bớ.

Những đợt thanh trừng bắt bớ năm 1967

Vào ngày 27 tháng 7 Hoàng Minh Chính bị bắt cùng với Hoàng Thế Dũng (phó tổng biên tập trước đây của báo Quân Đội Nhân Dân), Phạm Viêt (phó tổng biên tập báo Thời Mới) và Trần Châu (biên tập viên báo Nhân Dân). Đợt thứ hai diễn ra vào 18/10 năm 1967. Phần lớn những người bị bắt đều là những người thân cận với Võ Nguyên Giáp như Đặng Kim Giang, Lê Liêm, Lê Trọng Nghĩa. Ngoài ra, Vũ Đình Huỳnh và Nguyễn Kiến Giang cũng bị bắt.

Trong một bản báo cáo nội bộ vào giữa tháng 12 năm 1967 Lê Đức Thọ cáo buộc Đặng Kim Giang, Hoàng Minh Chính, Vũ Đình Huỳnh, Trần Minh Việt và Phạm Kỳ Vân đã phạm tội "phản quốc" và có "gây chia rẽ giữa đảng và quân đội".

Một điệp viên Bắc Việt người năm 1969 bỏ ngũ chạy sang miền Nam đã xác nhận lời tố cáo phản quốc này. Theo thông tin của ông, ngay trong năm 1967, một uỷ ban đã được thiết lập bao gồm chính Lê Đức Thọ, Trần Quốc Hoàn, Song Hào và Lê Văn Lương nhằm tiến hành điều tra vụ việc mà bây giờ có tên gọi chính thức là "Vụ án xét lại chống đảng".

Trong lúc đó, ngày 25 tháng 12 năm 1967 và những ngày tiếp theo sau, một loạt đảng viên và người ngoài Đảng tiếp tục bị bắt, theo một nguồn là từ 200 đến 300 người. Trong số những người bị bắt của đợt cuối cùng và lớn nhất này tiếp tục có những người cộng tác với tướng Giáp như Lê Minh Nghĩa và Đỗ Đức Kiên, một loạt ký giả như Phạm Kỳ Vân trước là phó tổng biên tập của tờ Học Tập, Đình Chân, Trần Thư, Mai Luân, Mai Hiến và Đặng Đình Cẩn (báo Quân đội Nhân dân), Lưu Động (báo Nhân Dân), Trần Minh Việt phó bí thư đảng ủy Hà Nội và phó biên tập của báo Hà Nội Mới. Ngoài ra Nguyễn Gia Lộc và Phùng Văn Mỹ làm việc cho Viện Triết học cũng bị bắt. Cả những người như Bùi Công Trừng, từng là giám đốc Viện Kinh tế, cũng bị bắt. Cho tới tháng tư năm 1967, ông Trừng còn được một nhà ngoại giao Xô viết xem là một "nhà kinh tế học có tầm nhìn xa". Tướng Nguyễn Văn Vịnh, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm chủ tịch Ủy ban Thống nhất Trung ương cũng như cựu bộ trưởng bộ ngoại giao Ung Văn khiêm cũng chịu cùng số phận.¹⁵

Trần Đình và Chính Yên tuy không bị đi tù nhưng phải đi lao động cải tạo.

Lúc đầu những người này bị cáo buộc chung chung là phạm tội chống Đảng. Sau này họ mới bị cáo buộc một cách cụ thể là đã hợp tác với Liên bang Xô viết âm mưu lật đổ chính phủ.

Nguyên nhân Vụ án Xét lại chống Đảng

Ngay từ cuối năm 1967 Lê Đức Thọ đã lan truyền một thuyết âm mưu cho rằng Hoàng Minh Chính, Phạm Kim Giang, Phạm Viêt và những người khác đã tiết lộ bí mật quốc gia cho đại sứ quán Liên Xô tại Hà Nội và đã cùng với viên đại sứ phát triển một kế hoạch nhằm lật đổ chính phủ. Theo đó, Phạm Viêt đã tổ chức một cuộc gặp gỡ giữa tướng Đặng Kim Giang và viên thư ký Hồ Chí Minh với viên đại sứ Liên Xô. Trong cuộc gặp gỡ này, ba người Việt đã đề cập đến thái độ chống Liên Xô của

¹⁵ Xem thêm danh sách những người bị bắt trong bài "Hoàng Minh Chính. Từ nhà tù Sơn La đến trại giam B14 Hà Nội": <https://phanba.wordpress.com/2017/11/11/hoang-minh-chinh-tu-nha-tu-son-la-den-trai-giam-b14-ha-noi/>

một vài lãnh đạo của Đảng Lao Động. Ngoài ra, Hoàng Minh Chính bị cho rằng đã tiết lộ bí mật quốc gia cho viên đại sứ Liên Xô và thậm chí còn được hứa sẽ được tỵ nạn chính trị ở Liên Xô.

Thuyết âm mưu này được Lê Đức Thọ công khai trình bày lần đầu tiên tại một cuộc họp Trung ương Đảng trong tháng 1 năm 1972 và cho tới nay vẫn là cách giải thích chính thức của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thế nhưng không có bằng chứng cho một kế hoạch cụ thể nhằm lật đổ chính phủ cũng như không thể chứng minh được việc một nhóm người có tổ chức tồn tại dưới quyền của Hoàng Minh Chính, cùng với Đại sứ quán Liên Xô chuẩn bị cho một âm mưu nào đó.

Bắt đầu từ năm 1966 Liên bang Xô viết cố gắng gây ảnh hưởng lên giới lãnh đạo miền Bắc để họ thật sự cố gắng hướng tới một giải pháp đàm phán. Đồng thời, sau khi chiến dịch chống chủ nghĩa xét lại chấm dứt và sau khi các mối quan hệ giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu được cải thiện, những người tương đối hòa hoãn như Ung Văn Khiêm và Lê Liêm lại tích cực tìm cách tiếp xúc với các đại sứ quán Liên Xô, Đông Đức và các nhà báo nước ngoài. Năm 1967, khi nhóm lãnh đạo quanh Lê Duẩn quyết định tiến hành cuộc tổng tấn công ở miền Nam thì những đợt bắt bớ này là một tín hiệu cho Liên Xô, hàm ý rằng sự giúp đỡ về quân sự và kinh tế của họ được hoan nghênh nhưng các cố gắng gây áp lực của họ nhằm đẩy nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến bàn đàm phán với Hoa Kỳ thì không. Nó đồng thời cũng là một tín hiệu gửi cho Trung Quốc, nói rằng miền Bắc sẽ không nhân nhượng trước áp lực từ Moscow và cũng sẽ không dựa vào Liên Xô nhiều hơn nữa.

Sau này, sau khi Nguyễn Kiên Giang được trả tự do, chính Lê Đức Thọ cũng nói với ông ấy rằng mục đích của những cuộc bắt bớ này là để làm cho người Trung Quốc hiểu rõ miền Bắc vẫn tiếp tục chống chủ nghĩa xét lại không thay đổi, hay nói theo một cách khác là vẫn tiếp tục đi theo đường lối của Trung Quốc và tư tưởng của Mao Trạch Đông: "Các cậu ở tù cũng là tham gia chống Mỹ cứu nước!"¹⁶.

Trong "Tủ tù tự xử lý nội bộ", Trần Thư cũng kể lại rằng ông bị quy tội làm gián điệp cho Liên Xô chỉ vì gián tiếp thông qua một người bạn đã đề nghị Liên Xô nên trao đổi với Sihanouk nhằm đưa viện trợ vào miền Nam qua cảng biển của Sihanoukville¹⁷.

Năm 1995, Nguyễn Trung Thành cựu vụ trưởng Vụ Bảo vệ Đảng cũng nói với Trần Đình rằng vụ án này "là đặt ra, dựng lên... chứ sự thật không có gì cả" và "các cụ 'cần' thấy các anh là một tổ chức chống Đảng"¹⁸.

Các phân tích của đại sứ quán Đông Đức cũng dẫn đến kết luận rằng đợt bắt bớ năm 1967 là kết quả của một cuộc tranh giành quyền lực trong giới lãnh đạo ở miền Bắc và có liên kết chặt chẽ với cuộc tranh luận về việc tiếp tục tiến hành cuộc chiến như thế nào.

Giới lãnh đạo Đảng muốn vô hiệu hóa các phân tử hòa hoãn, những người không đồng ý với quyết định tổng tấn công ở miền Nam và đặc biệt là muốn ngăn chặn trước không cho xảy ra một cuộc xung đột công khai như tại Hội nghị Trung ương lần thứ 9 của Đảng Lao Động vào cuối năm 1963, khi quyết định thống nhất đất nước bằng bạo lực vũ khí. Bộ máy an ninh của miền Bắc lợi dụng cơ hội này để vô hiệu hóa tất cả những người ngay từ đầu những năm 1960 đã không muốn tái thống nhất đất nước bằng con đường quân sự cũng như phản đối việc dựa quá nhiều vào Trung Quốc về mặt tư tưởng hệ.

Trần Đình trong "Đền Cù" cho rằng "...bắt đầu sợ Trung Quốc tanh bành vì Cách mạng Văn hoá, Hà Nội có cơ bị bỏ bơ vơ giữa 'chợ'... chiến trường, Lê Duẩn đã nảy ý mau chóng giải phóng miền Nam bằng một cú đánh có tính quyết định hy vọng qua đó thoát sớm được cuộc đại hỗn loạn của đại

¹⁶ *Lời Ai Điếu*, Lê Phú Khải, chương "Châm phá chân dung các nhà dân chủ", NXB Người Việt Books

¹⁷ *Tủ tù tự xử lý nội bộ*, Trần Thư, chương 14

¹⁸ *Đền Cù*, Trần Đình, trang 347.

hậu phương và thế là Duẩn xoá ngay kế hoạch của Võ Nguyên Giáp chỉ đánh Tây Nguyên lấy thanh thế rồi rút, biến ý đồ duy ý chí Tổng tiến công - Tổng nổi dậy Tết Mậu Thân thành mục tiêu chiến lược. Nhưng đánh mạnh thì có khả năng Mỹ nhảy ra ngoài Bắc, vậy phải tính đến khả năng vò đến quân chí nguyện Trung Quốc vốn luôn đóng trực ở biên giới - sẵn sàng can thiệp theo thoả thuận từ đầu của cả hai bên. Muốn thế phải có thể chấp lớn nộp gấp Bắc Kinh. Vụ án xét lại ra đời! Tháng 2-1968 đánh, tháng 7-1967 bắt mẻ đầu tiên."¹⁹

Vũ Thư Hiên và nhiều tác giả khác cho rằng đợt bắt bớ năm 1967 cũng nhắm tới tướng Võ Nguyên Giáp, và Lê Duẩn muốn lợi dụng chiến dịch thành từng ngày để loại trừ một đối thủ của ông. Việc bắt Đặng Kim Giang một người thân cận của tướng Giáp từ cuộc chiến tranh chống Pháp, và một loạt những người cộng tác khác của ông ấy trong đợt thứ hai và đợt thứ ba cho thấy mục đích cũng là làm suy yếu vị trí của Tướng Giáp trong giai đoạn mang tính quyết định này. Bản thân Tướng Giáp đã sang Hungary từ tháng mười năm 1967, vắng có mặt trong thời gian của hai đợt bắt bớ đó.

Theo một vài ý kiến, không những Lê Duẩn mà cả vị thế của Lê Đức Thọ cũng được củng cố qua vụ án xét lại chống đảng. Vũ Thư Hiên cũng như người vợ góa của Vũ Đình Huỳnh là Phạm Thị Tề cáo buộc Lê Đức Thọ cũng muốn qua những vụ bắt bớ này mà loại trừ những nhân chứng có thể đưa ra thông tin về quá khứ của ông ta, đặc biệt trong thời gian ở nhà tù Sơn La đầu những năm 1940. Theo Vũ Thư Hiên, cha ông và Đặng Kim Giang đã ở tù chung một thời gian với Lê Đức Thọ tại Sơn La. Và trong thời gian Lê Đức Thọ nằm tại trạm xá y tế của tù thì một loạt bí mật của Đảng đã bị phơi bày ra ánh sáng. Bà Phạm Thị Tài cho rằng chồng bà đã biết quá nhiều về Lê Đức Thọ và những điều đó đã gây tai họa cho ông ấy. Quả thật, bên cạnh Đặng Kim Giang và Vũ Đình Huỳnh, một loạt những người đã từng ở tù chung với Lê Đức Thọ tại Sơn La cũng bị bắt như Hoàng Minh Chính, Phạm Kỳ Vân và Lưu Động.

Tù đầy và sau đó

Những người bị bắt đầu tiên bị giam giữ trong Hỏa Lò, sau đó họ bị chuyển đi đến các trại tù khác. Không một người nào được đưa ra tòa xét xử. Hoàng Minh Chính lần đầu ở tù 6 năm rồi bị quản thúc tại gia. Lần thứ nhì (1981) ông bị giam giữ cho tới năm 1987 và lần thứ ba từ 1995 tới 1996, tổng cộng 12 năm tù giam và 8 năm quản thúc. Vũ Thư Hiên bị giam 9 năm liên tục trong nhiều nhà tù và trại tập trung. Đặng Kim Giang, Vũ Đình Huỳnh, Trần Minh Việt bị tù 6 năm. Phạm Kỳ Vân vào tù mấy năm thì lâm trọng bệnh, được thả về với gia đình để chết ở nhà, đỡ tai tiếng. Kỳ Vân là đảng viên kỳ cựu từ thời 1936, xứ ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ.

Những người không bị bắt mà chỉ bị gọi lên tra hỏi cũng có một cuộc sống hết sức khó khăn. Ví dụ như nhà văn, nhà báo Lê Văn Dũng bắt đầu từ năm 1968 không còn được phép làm công việc trước đây của ông nữa mà phải kiếm sống bằng cách nuôi heo và làm những công việc khác. Những người khác kiếm tiền bằng cách đập xích lô. Nhà báo Văn Doãn phần uất tự tử năm 1972. Phó chủ tịch Quốc hội Dương Bạch Mai đột tử ngày 4-4-1964 tại cuộc họp Quốc Hội, mà dư luận cho là bị đầu độc.

Nhiều người đã ôm hận qua đời như: Đặng Kim Giang, Lê Liêm, Ung Văn Khiêm, Nguyễn Văn Vịnh, Trần Minh Việt, Tuấn Nguyễn, Vũ Huy Cương, Hoàng Thế Dũng.

Cảnh tù đầy được những người trong cuộc sau này mô tả lại trong các tác phẩm như "Chuyện kể năm 2000" của Bùi Ngọc Tấn, "Đêm giữa ban ngày" của Vũ Thư Hiên, "Một người tù xử lý nội bộ" của Trần Thư.

Đến những năm 1972, 1973 những người bị bắt dần dần được thả, nhưng không được phép trở về Hà Nội mà bị quản thúc tại gia ở nông thôn cho đến 1976, 1977. Là những "kẻ thù của Đảng" họ bị

¹⁹ Đền Cù, Trần Đình, Chương 27, trang 208

cô lập trong xã hội. Bắt đầu từ khoảng năm 1977 phần lớn nạn nhân của chiến dịch thanh trừng này được phép trở về Hà Nội nhưng vẫn còn bị an ninh giám sát.

Năm 1981, vài tháng trước đại hội lần thứ 5 của Đảng Cộng sản, Đặng Kim Giang và Hoàng Minh Chính đưa đơn yêu cầu chính thức xét lại vụ án của họ. Hai người lại bị bắt giam sau đó. Hoàng Minh Chính bị giam giữ cho đến năm 1987. Đặng Kim Giang lâm bệnh nặng trong tù năm 1983 và chết tại nhà trong cùng năm đó vì không được chữa trị.

Sau khi ra tù Hoàng Minh Chính tiếp tục viết nhiều lá thư mở yêu cầu xét xử lại vụ án này và phục hồi cho ông. Vào thời gian này, sau cái chết của Lê Đức Thọ, nhiều người khác cũng bắt đầu viết đơn thỉnh cầu gửi cho các ủy ban đảng và nhà nước.

Năm 1995 Nguyễn Trung Thành, cựu vụ trưởng Vụ Bảo vệ Đảng, người trực tiếp xem xét vụ án này và làm việc dưới quyền của Lê Đức Thọ cho tới khi về hưu, trong một bức thư gửi cho với lãnh đạo đảng đã nói rằng các bằng chứng cáo buộc những người bị bắt trước kia là giả mạo và vì vậy mà yêu cầu phục hồi cho họ. Giới lãnh đạo Đảng dưới quyền của bí thư Đỗ Mười thời đó một lần nữa phản ứng hết sức gay gắt: Nguyễn Trung Thành bị khai trừ ra khỏi Đảng và những lá thư của ông bị tịch thu.

Tháng 7 năm 2017, Vũ Thư Hiên viết thư ngỏ thêm một lần nữa ("Vì lịch sử và công lý, chúng tôi lên tiếng") nhưng vẫn rơi vào trong sự im lặng.

Cho tới ngày nay các nạn nhân của chiến dịch thanh trừng năm 1967 vẫn không được chính thức phục hồi.

Phan Ba

Tài liệu tham khảo

- *Die Partei und der Krieg*, Martin Großheim, NXB Regiospectra, Berlin, 2009
- *Đền Cù*, Trần Đình, NXB Người Việt Books, 2014
- *Hoàng Minh Chính. Từ nhà tù Sơn La đến trại giam B14 Hà Nội*, Nguyễn Thanh Giang, 2001: <https://phanba.wordpress.com/2017/11/11/hoang-minh-chinh-tu-nha-tu-son-la-den-trai-giam-b14-ha-noi/>
- *Lời Ai Điếu*, Lê Phú Khải, NXB Người Việt Books, 2016
- *Tử tù tự xử lý nội bộ*. Trần Thư
- *Thư ngỏ của công dân Hoàng Minh Chính*: <https://phanba.wordpress.com/2017/11/11/thu-ngo-cua-cong-dan-hoang-minh-chinh/>
- *Vì lịch sử và công lý, chúng tôi lên tiếng*, Vũ Thư Hiên: <https://phanba.wordpress.com/2017/07/27/vu-thu-hien-vi-lich-su-va-cong-ly-chung-toi-len-tieng/>

Vũ Thư Hiên: Vì lịch sử và công lý, chúng tôi lên tiếng

Posted on Tháng Bảy 27, 2017 by Phan Ba

Chúng tôi, những nạn nhân còn sống và thân nhân những nạn nhân đã qua đời trong một vụ án không được xét xử cách nay vừa tròn 50 năm được gọi tắt là “Vụ án Xét lại chống Đảng”, một lần nữa phải lên tiếng vì sự thật và công lý, vì lương tâm và nghĩa vụ, vì một đất nước thượng tôn pháp luật.

Bối cảnh lịch sử

Năm 1956, tại Đại hội 20 Đảng cộng sản Liên Xô, Tổng bí thư Nikita Khrushchev đã đọc báo cáo quan trọng về chống tệ sùng bái cá nhân Stalin và chủ trương “cùng tồn tại trong hoà bình” giữa hai hệ thống cộng sản và tư bản. Đường lối mới đã được hầu hết các đoàn đại biểu tán đồng tại Đại hội các đảng cộng sản và công nhân quốc tế họp tại Moskva với 81 thành viên tham dự năm 1960.

Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) do Chủ tịch Đảng Hồ Chí Minh cùng với Bí thư Thứ nhất Lê Duẩn và các ủy viên Bộ Chính trị Trường Chinh, Nguyễn Chí Thanh tham dự đã ký vào bản Tuyên bố chung Hội nghị trên. Đường lối mới này đã bị Đảng cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) kịch liệt lên án, gọi là “Chủ nghĩa xét lại hiện đại”.

Sự thay đổi trong nhận định về quan hệ quốc tế đã phân hoá nội bộ một số đảng cộng sản. Trong ĐCSVN cũng xuất hiện hai luồng quan điểm khác nhau. Một bên ủng hộ “cùng tồn tại trong hoà bình”, phản đối đường lối giáo điều tả khuynh của ĐCSTQ, chủ trương hòa bình thống nhất đất nước, phát triển kinh tế đa thành phần.

Bên kia, theo đường lối của ĐCSTQ, chủ trương chống “chủ nghĩa xét lại hiện đại”, duy trì xã hội chuyên chính phi dân chủ, đẩy mạnh cải cách xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ hoàn toàn cơ chế kinh tế thị trường, kiên định chủ trương thống nhất đất nước bằng bạo lực.

Cuộc đấu tranh trong nội bộ diễn ra âm thầm nhưng căng thẳng đã kết thúc bằng nghị quyết của Hội nghị Trung ương 9 ĐCSVN họp năm 1963, đi ngược lại Tuyên bố chung Moskva 1960 đã được đoàn đại biểu Việt Nam long trọng ký kết. Nghị quyết 9 (phần đối ngoại), về thực chất là bản sao đường lối của ĐCSTQ đã khởi đầu cho cuộc trấn áp những đảng viên bất đồng chính kiến bị chụp mũ “chủ nghĩa

xét lại hiện đại”. Cần lưu ý là Chủ tịch Hồ Chí Minh không tham gia biểu quyết nghị quyết này.

Toàn văn Nghị quyết 9 được giữ trong tình trạng tuyệt mật, nhưng nội dung tinh thần được phổ biến cho các đảng viên và trí thức. Vì có quá nhiều tranh cãi nội bộ nên Đảng tuyên bố cho phép bảo lưu ý kiến khác biệt. Thái độ cởi mở này chỉ là biện pháp để phát hiện những người không tán thành.

Nhiều ý kiến bất đồng được biểu lộ công khai như những bài viết của các ông Hoàng Minh Chính – Viện trưởng Viện Triết học Mác-Lênin, ông Trần Minh Việt, phó Bí thư Thành ủy kiêm phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính Thành phố Hà Nội. Những tâm thư của nhiều đảng viên lão thành gửi đến Bộ Chính trị, phản đối đường lối đối ngoại thân Trung Quốc, tranh luận về đường lối giải phóng miền Nam bằng bạo lực, nóng vội trong cải tạo kinh tế xã hội chủ nghĩa và tất cả các ý kiến phát biểu trái chiều tại các cuộc học tập đều được thu thập để rồi trấn áp khốc liệt vào cuối năm 1967.

Diễn biến sự kiện

ĐCSVN gọi tắt vụ án này là “Vụ Xét lại chống Đảng” diễn ra năm 1967, nhưng đến tháng 3 năm 1971 mới báo cáo Bộ Chính trị, tháng 1 năm 1972 mới đưa ra Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 20 (khóa III). Theo ông Nguyễn Trung Thành (vụ trưởng Vụ Bảo vệ đảng thuộc Ban tổ chức Trung ương) là người trực tiếp thi hành thì Bí thư Thứ nhất Lê Duẩn và ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tổ chức Trung ương Đảng Lê Đức Thọ nhân danh Bộ Chính trị chỉ đạo việc bắt giữ và giam cầm.

Chiến dịch khủng bố đã bắt đầu vào ngày 27 tháng 7 năm 1967 và kéo dài bằng các cuộc bắt bớ, giam cầm, quản chế nhiều năm các cán bộ trung cao cấp mà không hề xét xử hay tuyên án.

Những người bị giam cầm nhiều năm gồm có:

- Hoàng Minh Chính tổng thư ký Đảng Dân chủ Việt Nam, tổng thư ký Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, viện trưởng Viện Triết học.
- Đặng Kim Giang, thiếu tướng phó Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần Quân đội, thứ trưởng Bộ Nông Trường.
- Vũ Đình Huỳnh bí thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vụ trưởng vụ Lễ tân Bộ Ngoại giao, vụ trưởng Ban thanh tra Chính phủ .

- Lê Trọng Nghĩa, cục trưởng Cục 2 (Cục Tình báo quân đội).
 - Lê Minh Nghĩa, chánh văn phòng Bộ Quốc phòng.
 - Đỗ Đức Kiên, đại tá cục trưởng Cục tác chiến.
 - Hoàng Thế Dũng, tổng biên tập Báo Quân đội Nhân Dân.
 - Nguyễn Kiên Giang, tỉnh ủy viên tỉnh ủy Quảng Bình, phó giám đốc nhà xuất bản Sự Thật.
 - Trần Minh Việt phó bí thư Thành ủy Hà Nội, phó Chủ tịch Ủy Ban Hành Chính thành phố Hà Nội. Vụ trưởng vụ Tài vụ Bộ Công nghiệp nhẹ.
 - Phạm Viêt phó tổng biên tập Báo Thời Mới (sau sáp nhập vào tờ Thủ đô Hà Nội thành tờ Hà Nội Mới).
 - Nguyễn Thị Ngọc Lan, giảng viên tiếng Anh, Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội, vợ ông Phạm Viêt.
 - Phạm Kỳ Vân phó tổng biên tập Tạp chí Học Tập.
 - Trần Thư, tổng thư ký báo Quân Đội Nhân Dân.
 - Hồng Sĩ, trung tá Công an, đặc trách công tác phản gián, Hải Phòng.
 - Trần Châu nhà báo, Việt Nam Thông tấn xã.
 - Lưu Động nhà báo, trưởng ban Nông nghiệp Báo Nhân Dân.
 - Vũ Thư Hiên nhà báo, báo Ảnh Việt Nam, (con trai cả ông Vũ Đình Huỳnh, không đảng).
 - Huy Vân, đạo diễn điện ảnh.
 - Phan Thế Ván, bác sĩ, nguyên cán bộ nội thành Hà Nội.
 - Vũ Huy Cương biên kịch điện ảnh (không đảng).
 - Nguyễn Gia Lộc, cán bộ nghiên cứu Viện Triết học.
 - Phùng Văn Mỹ, cán bộ nghiên cứu Viện Triết học.
 - Bùi Ngọc Tấn, nhà báo (không đảng).
- ... và nhiều người khác không phải đảng viên cũng bị đảng Cộng sản Việt Nam trấn áp với nhiều mức độ khác nhau.

Những cán bộ cấp cao không bị bắt nhưng bị khai trừ Đảng là:

- Ung Văn Khiêm bộ trưởng bộ Ngoại giao.
- Bùi Công Trừng chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước.
- Nguyễn Văn Vịnh thứ trưởng bộ Quốc phòng.
- Lê Liêm thứ trưởng bộ Văn hóa.
- Minh Tranh, phó giám đốc nhà xuất bản Sự Thật.

Một số người đang học tập, công tác ở Liên Xô đã ở lại tỵ nạn như:

- Lê Vinh Quốc đại tá Chính ủy sư đoàn 308
- Nguyễn Minh Cần phó chủ tịch Ủy ban Hành chính Thành phố Hà Nội
- Đỗ Văn Doãn tổng biên tập Báo Quân đội Nhân Dân.

Nhiều người không bị bắt giam đã bị đày ải, tù đập như các ông:

- Minh Tranh phó giám đốc Nhà Xuất bản Sự Thật,
 - Các nhà báo Đặng Đình Cẩn, Mai Hiến, Trần Đĩnh, Mai Luân
- ... Và rất nhiều người khác nữa.

Trong cuộc trấn áp này, bất kỳ người nào có quan điểm ít nhiều khác với đường lối của đảng, đều bị quy kết là “xét lại” và bị trừng phạt với những mức độ khác nhau.

Sự trừng phạt nặng nề còn tiếp diễn vào cuối thập niên 90 đối với ông Nguyễn Trung Thành, người trực tiếp thụ lý vụ này khi ông cùng ông Lê Hồng Hà (Chánh văn phòng Bộ Công an) viết kiến nghị đề nghị Bộ Chính trị xem xét giải oan cho các nạn nhân.

Những năm tháng tù đầy oan ức và hệ lụy

Người được coi là “đầu vụ” là ông Hoàng Minh Chính. Ông bị qui tội vì đã gửi cho hội nghị Trung ương hai bản kiến nghị, bản thứ nhất phê phán Bộ Chính trị đã từ bỏ nguyên tắc đồng thuận với bản Tuyên bố Moskva 1960, bản thứ hai phê phán đường lối quốc tế sai trái của Trung ương đảng Cộng sản Trung Quốc. Lần đầu, ông bị bắt tù 6 năm rồi quản chế tại gia. Lần thứ hai ông bị bắt giam từ 1981 đến 1987. Lần thứ ba từ 1995 đến 1996. Tổng cộng ông bị 12 năm tù giam và 8 năm quản chế. Là một sĩ quan thương binh, trong thời gian đó, ông phải chịu nhục hình và những hành vi xúc phạm nhân phẩm.

Các ông Đặng Kim Giang, Vũ Đình Huỳnh bị qui là hai người trong “ba kẻ đầu vụ”. Cả hai cùng với ông Trần Minh Việt,... bị giam 6 năm và chịu thêm 3 năm lưu đầy biệt xứ, ở những địa phương khác nhau. Khi bị bắt, họ bị giam tại xà lim Hỏa Lò, bị cùm chân và trong phòng giam không có ánh sáng. Nơi giam cầm các ông trong nhiều năm đều là các khu biệt giam, không được giao tiếp với bất kỳ ai.

Ông Đặng Kim Giang cũng bị bắt lần thứ hai năm 1981, trên đường đi đến khu biệt giam ở Nam Định thì lên cơn nhồi máu cơ tim phải đưa thẳng vào bệnh viện công an và bị giam giữ tại đây cho đến khi bệnh tình nguy kịch, trả về nhà một thời gian thì mất.

Người bị giam lâu thứ hai là ông Vũ Thư Hiên, với 9 năm giam liên tục trong các nhà tù và trại tập trung, có những năm bị giam chung với tù hình sự.

Ông Phạm Viết, năm 1967 đang nghỉ công tác dài hạn để điều trị bệnh tim thì bị bắt, giam vào xà lim Hỏa Lò. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan, vợ ông Viết người từng bị bắt 3 lần khi hoạt động nội thành Hà nội trong kháng chiến chống Pháp, là người phụ nữ duy nhất trong vụ này đã bị tù 2 năm rưỡi vì tội không giao nộp bản luận văn phó tiến sĩ “Về chủ nghĩa giáo điều ở Việt Nam” của ông Trần Minh Việt viết tại trường đảng Liên Xô. Bản này lúc đó bị vu cho là “bản cương lĩnh chính trị của tổ chức chống Đảng.”

Thương tâm nhất trong vụ này là ông Phạm Kỳ Vân, phó tổng biên tập tạp chí Học Tập. Ông Kỳ Vân bị bắt khi đang điều trị sơ gan cổ chướng, bệnh tình trở nên trầm trọng, ông được tha về để chết. Vợ ông bị chết đuối, con gái đi Thanh niên Xung phong hy sinh trên đường Trường Sơn, con gái khác chết khi sinh nở. Người con trai út tuyệt vọng treo cổ tự vẫn. Cả gia đình không một người nào còn sống.

Còn rất nhiều người khác bị trấn áp theo nhiều cách khác nhau mà chúng tôi không thể kể ra hết: bị quản thúc với những cấm đoán ngặt nghèo, bị đưa đi cải tạo lao động, bị tước quyền công dân, tước bỏ các chính sách đãi ngộ. Họ bị đuổi khỏi cơ quan, đơn vị công tác và còn bị cấm họ làm cả những nghề kiếm sống thông thường như sửa chữa máy thu thanh, làm việc trong các cơ sở in ấn, sửa chữa đồng hồ, kể cả chữa xe đạp hay cắt tóc.

Ban tổ chức Trung ương còn có chủ trương phân biệt đối xử với con em, gia đình những người bị đàn áp: không được kết nạp vào đảng, không được đề bạt lên vị trí quản lý, không được học các trường đại học được coi là quan trọng, ngoài các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thư viện..., không được cử đi công tác

học tập nước ngoài, không được phân công về công tác tại Hà Nội và làm việc tại các bộ ngành trung ương, cơ quan quan trọng.

Hàng trăm lá đơn khiếu oan, về thực chất là những thư tố cáo đã được gửi tới các cơ quan công quyền cao nhất của nhà nước và đảng cộng sản trong suốt 50 năm qua, yêu cầu xét xử trước một phiên tòa công minh, đòi công khai vụ việc trước dư luận, bồi thường cho những thiệt hại về vật chất, tổn thương về tinh thần, phục hồi danh dự cho các nạn nhân... Tất cả những đòi hỏi chính đáng ấy chỉ được trả lời bằng sự im lặng.

Nhận định của những nạn nhân còn sống và thế hệ kế tiếp

50 năm đã trôi qua kể từ khi những nạn nhân đầu tiên của vụ “xét lại chống Đảng” bị bắt ngày 27 tháng 7 năm 1967. Các ông Dương Bạch Mai, Ung Văn Khiêm, Bùi Công Trưng, Lê Liêm, Hoàng Minh Chính, Vũ Đình Huỳnh, Đặng Kim Giang và nhiều người khác đã qua đời, mang theo đau thương và uất hận. Những người gây ra tấn thảm kịch lớn nhất trong lịch sử đảng cộng sản Việt Nam – Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Trần Quốc Hoàn, Trường Chinh... cũng đã chết.

Liên Xô, và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã tan rã. Trung Quốc và Việt Nam tuy danh xưng là xã hội chủ nghĩa nhưng trong thực tế đang đương đầu với các thách thức của giai đoạn tư bản bán khai, trước mọi tệ nạn như hối mại quyền thế, tham nhũng, lạm dụng luật pháp, chênh lệch giàu nghèo, vi phạm quyền dân chủ,... chưa từng có.

Vụ “Xét lại chống Đảng” cũng như nhiều vụ án oan đã xảy ra trong quá khứ như: Cải cách ruộng đất, Nhân văn – Giai phẩm, Cải tạo tư bản tư doanh, Hợp tác hóa, tập trung cải tạo những người tham gia quân lực và chính quyền Việt Nam Cộng hòa... chưa được các thế hệ cầm quyền kế tiếp chính thức sửa sai và nghiêm nhiên cho rằng việc xử lý trước đây là đúng.

50 năm là một thời gian quá dài cho những oan ức và bất công. Khi sự kiện này xảy ra, những người cầm quyền hiện nay còn quá trẻ, thậm chí có người còn chưa ra đời, hiển nhiên không phải là thủ phạm nhưng họ không thể phủ tay cho rằng mình không có trách nhiệm giải quyết những vụ việc xảy ra trong quá khứ. Là chính quyền kế thừa, họ phải có trách nhiệm với những việc còn tồn tại theo đúng pháp luật, song phẳng với lịch sử. Đó là điều phải làm nếu họ còn có ý muốn xây dựng một nhà nước pháp quyền và lấy lại niềm tin của nhân dân.

Bà Nguyễn Thị Mỹ, phu nhân ông Đặng Kim Giang, bà Lê Hồng Ngọc, phu nhân ông Hoàng Minh Chính, bà Nguyễn Thị Ngọc Lan, phu nhân ông Phạm Viết,

người phụ nữ duy nhất bị tù trong vụ này, ông Vũ Thư Hiên, ông Phan Thế Vấn và nhiều nhân chứng khác còn sống trong vụ này hiện đều đã ở tuổi gần đất xa trời. Những nhân chứng cuối cùng rồi cũng sẽ không còn, nhưng ký ức về vụ trấn áp sẽ còn sống mãi với thời gian.

Lịch sử không thể bị tẩy xoá

Con cháu những nạn nhân đó dù chỉ là những đứa trẻ khi cha anh bị bắt, chẳng biết “xét lại” là gì, nhưng cũng ném đủ những khối cực của cuộc trấn áp tàn bạo nhắm vào thành viên gia đình những người không chịu cúi đầu. Đến nay, họ cũng đã về già nhưng mãi mãi không thể nào quên được những năm tháng đau thương ấy.

Cho tới nay chúng tôi vẫn còn như thấy trước mắt hình ảnh tướng Đặng Kim Giang, chỉ huy hậu cần chiến dịch Điện Biên Phủ, nằm trong chiếc quan tài hở hoác dưới ngôi nhà tranh dột nát ở ngõ Chùa Liên Phái. Bà vợ ông vừa khóc vừa giã gạch non trộn với cơm nếp, trát kín những kẽ hở của chiếc quan tài ấy.

Chúng tôi không thể quên hình ảnh ông Vũ Đình Huỳnh, nguyên Bí thư của chủ tịch Hồ Chí Minh, thành viên Việt Nam Cách mạng Đồng chí hội từ năm 1925, trước khi ĐCSVN ra đời, bị công an dùng dây thừng trói giật cánh khuỷu khi còng sắt bập vào cổ tay ứa máu mà không vừa. Khi đó ông đã về hưu được vài năm.

Chúng tôi không thể quên nắm mồ của ông Phạm Viết, nằm cô quạnh trên sườn đồi heo hút ở cạnh nhà tù Phú Sơn, Thái Nguyên. Ông là người sỹ quan thương binh đã chiến đấu nhiều năm quên mình trong nội thành Hà Nội. Ở tuổi 44, ông lìa đời mà không được có một người thân bên cạnh dù vợ con đã khẩn thiết yêu cầu được chăm sóc ông những ngày cuối đời.

Chúng tôi mãi mãi không thể quên những gì đã thấy, đã biết, đã ghi nhớ

Và nhân đây chúng tôi cũng muốn gửi tới rất nhiều người đã đồng cảm và giúp đỡ chúng tôi trong suốt nửa thế kỷ qua lời cảm ơn chân thành. Sự chia sẻ trong tình người dù âm thầm hay công khai đã giúp chúng tôi có thêm nghị lực sống.

Bản lên tiếng này cũng là một nén hương muôn cho những nạn nhân đã khuất. Nhưng máu thịt của họ, tinh thần của họ vẫn còn đây, trong chúng tôi.

Chúng tôi cũng gửi bản lên tiếng này tới các vị đứng đầu Đảng và Nhà nước để nói rằng những thế hệ nối tiếp của các nạn nhân trong “vụ Xét lại chống Đảng” sẽ còn tiếp tục lên tiếng cho tới khi vụ này được công khai trước toàn dân, cho tới khi lẽ công bằng được lập lại cho những nạn nhân còn sống và đã khuất.

Trước sau, lịch sử sẽ phán xét một cách công bằng

Dưới đây là danh sách những nạn nhân còn sống và gia đình cũng như thân nhân các nạn nhân đã khuất cùng ký tên vào bản lên tiếng này. Danh sách này còn kéo dài do không có điều kiện liên hệ trực tiếp.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ, phu nhân ông Đặng Kim Giang và gia đình.
- Bà Lê Hồng Ngọc, phu nhân ông Hoàng Minh Chính và gia đình.
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan, phu nhân ông Phạm Viết và gia đình
- Bà Đinh Thị Bích Đào, phu nhân ông Phùng Văn Mỹ và gia đình.
- Bà Nguyễn Thị Oanh, phu nhân ông Lưu Động (tên thật là Nguyễn Xuân Canh) và gia đình.
- Ông Vũ Thư Hiên, con trai ông Vũ Đình Huỳnh và gia đình.
- Ông Phan Thế Vãn và gia đình.
- Ông Trần Đĩnh và gia đình
- Ông Trần Việt Trung, con trai ông Trần Châu và gia đình.
- Bà Minh Sơn, con gái ông Trần Minh Việt và gia đình
- Nguyễn Thị Giáng Hương, con gái ông Trần Thư và gia đình.

Nơi gửi:

Gửi tới mọi người Việt Nam và các ông, bà:

- Ông Nguyễn Phú Trọng, Tổng bí thư đảng Cộng sản Việt Nam
- Bà Nguyễn Thị Kim Ngân, Chủ tịch Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam
- Ông Trần Đại Quang, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam
- Ông Nguyễn Xuân Phúc, Thủ tướng chính phủ nước CHXHCN Việt Nam.

Hoàng Minh Chính: Từ nhà tù Sơn La đến trại giam B14 Hà Nội

Posted on Tháng Mười Một 11, 2017 by Phan Ba

Nguyễn Thanh Giang

Mừng thượng thọ 80 của Hoàng Minh Chính, tiến sỹ sinh vật học Hà Sỹ Phu tặng đôi câu đối :

MINH tâm như MINH nguyệt, hà cầu Bắc đẩu bội tinh

CHÍNH khí hựu CHÍNH danh, đích thị Nam thiên hào kiệt

Nhà thơ Bùi Minh Quốc tặng bài thơ :

Minh Chính đường ngay một chí bên

Lão niên phong khí vận thanh niên

Lao lung lòng vẫn linh Hồng Ngọc

Bão táp ung dung bước đại thiên

Háy mắt khinh trò khua mác rỉ

Nhích cười nghe hú lưỡi lê điên

Xem đi xét lại đời vui thế

Vạch ác phơi gian xử nhân tiên

Đúng vậy, ông là người “Minh tâm như minh nguyệt. Chính khí hựu chính danh“, lại cũng có cái khí phách rất ngang tàng khi “Háy mắt khinh trò khua mác rỉ. Nhích cười nghe hú lưỡi lê điên“. Phải chăng vì vậy mà thân phận ông cứ “Ba nổi bảy chìm với nước non. Rắn nát mặc dù tay kẻ nặn” trong khi luôn giữ mãi tấm lòng kiên trinh, son sắt.

Quật khởi từ trước mùa thu tháng tám

Trong một buổi tổ chức đấu tố luật gia trẻ tuổi Lê Chí Quang gần đây tại phường Phương Liệt, người ta đã thuê mướn và mớm lời cho mấy tên cò mồi mặt hạng xỉ vả, lăng nhục gia đình anh rất thậm tệ. Ngoài ra, có kẻ còn dám xưng xưng kết tội Lê Chí Quang : thường xuyên quan hệ với những phần tử xấu, trong đó có tên Hoàng Minh Chính đã từng có nợ máu với nhân dân.

Vậy, Hoàng Minh Chính là ai ?

Ông tên thật là Trần Ngọc Nghiêm, tuổi Canh Thân, sinh tại Nam Định. Năm 1939 là cán bộ phụ trách Đoàn Thanh niên Phản đế Hà Nội. Hoạt động trong Phong trào Dân chủ-Bình dân từ 1936, viết bài, in truyền đơn, rải truyền đơn, gián áp phích chống đế quốc. Năm 1940 được kết nạp vào đảng Cộng sản và đứng trong tổ lãnh đạo chuẩn bị khởi nghĩa ở Hà Nội để hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Tổ này

khi ấy gồm 4 người trong đó có Hoàng Minh Chính phụ trách Thanh niên Phản đế và bà Hằng (vợ tướng Trần Độ hiện nay) làm giao liên. Trụ sở Tổ lãnh đạo chuẩn bị khởi nghĩa bí mật đặt tại một căn phòng nhỏ chừng 12 mét vuông, trong góc sâu cuối sân thượng tầng 4 số nhà 36 Hàng Nón, ngay ở một ngã ba trông thẳng ra phố Hàng Hòm. Từ giữa phố Hàng Nón nhìn lên, căn phòng trông chỉ như một chuồng gia cầm. Vậy mà đó vừa là cơ quan ẩn lút, vừa là nơi ở của 4 thanh niên tuổi từ 16 đến 20.

Sau mấy năm hoạt động bí mật, bỗng nhiên, 9 giờ tối ngày Tết Tây năm 1941, phó chánh mật thám sở mật thám Hà Nội tên Brear dẫn đầu một tốp lính cầm áp vào bắt gọn cả bốn chiến sỹ cộng sản đưa về nhốt vào 4 xà lim ngay trong khuôn viên của sở công an Hà Nội bấy giờ. Sau hơn một tháng tra khảo, không lấy được lời khai nào về các cơ sở bí mật và về các đồng chí khác, bọn chúng đưa ra xử ở toà án binh đại hình. Bị coi là một tội phạm nguy hiểm cho chế độ thực dân, mức án dự định có thể là chung thân hoặc tử hình. May sao , ông đã được luật sư Phan Anh nhận bào chữa. Mặc dầu vậy, trong một lần được tiếp xúc với luật sư Phan Anh trong nhà tù, Hoàng Minh Chính vẫn căn dặn : ” Ông muốn cải thế nào cũng được, miễn là mong ông đừng làm thương tổn danh dự Đảng của tôi “. Rồi Hoàng Minh Chính tiếp tục chuẩn bị tinh thần chịu đựng cực hình để quyết chí giữ gìn bí mật cho Đảng trong bất kể tình huống nào. Ông tự đặt hòn than đỏ lên cánh tay, lên đùi và nghiền răng chịu đựng. Thịt cháy còn để lại vết sẹo trên da cho đến ngày nay. Nhờ tài biện hộ của người trí thức yêu nước Phan Anh,.Hoàng Minh Chính chỉ bị kết án 10 năm tù khổ sai và 10 năm biệt xứ.

Nhà tù Sơn La trước đây chỉ có khoảng vài chục tù nhân. Đến nửa đầu thập niên 1940, khi Hoàng Minh Chính góp mặt thì con số đã tới 150, trong đó có cả Trần Độ và Lê Đức Thọ . Sếp ngục người Pháp cho tù nhân cộng sản được cử ra hai người làm công việc y tá lo nhận , giữ thuốc của nhà tù, phát thuốc và chữa trị cho các bệnh nhân trong tù theo y lệnh của y sỹ chính quyền. Anh em tù cử Nguyễn Lương Bằng và Hoàng Minh Chính nhận nhiệm vụ đó. Sau một năm rưỡi làm nhiệm vụ y tá, Hoàng minh Chính lại được phân công làm đại diện đấu tranh đòi cải thiện đời sống, đòi có sách báo để đọc. Sau ba ngày rưỡi tuyệt thực, viên công sứ Pháp đã phải nhượng bộ.

Giữa năm 1943, thực dân Pháp chuyển tuyệt đại đa số tù cộng sản Sơn La về Hoà Lò, chuẩn bị đưa đi Côn Đảo. Vì cầu Hàm Rồng bị bom Mỹ đánh sập nên Hoàng Minh Chính và nhiều anh chị em khác vẫn được ở lại Hoà Lò. Ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chính Pháp, lợi dụng sự ngỡ ngàng ban đầu của lính canh Nhật, 12 giờ

30 đêm ngày 12 tháng 3 năm 1945 ông đã cùng 9 anh em tù cộng sản vượt ngục để ngay sau đó liên lạc với Xứ uỷ và Trung ương đảng tiếp tục nhận nhiệm vụ cách mạng.

Tháng 12 năm 1946 Hoàng Minh Chính được giao nhiệm vụ thành lập đội Quyết tử quân. Chỉ trong thời gian ngắn, ông đã quy tập được gần 200 thanh niên, tuổi từ 18 đến đôi mươi gồm đủ mọi thành phần từ nội ngoại thành sẵn sàng chiến đấu hy sinh với khẩu hiệu ” Quyết tử cho tổ quốc quyết sinh “. Vũ khí chủ yếu do tự tạo : dao găm, chai cháy, lựu đạn cùng mấy quả bom ba càng và một khẩu phóng lựu đạn của Nhật. Một đêm giáp tết âm lịch năm 1947, ông mang biệt danh Lê Hồng cùng với Đặng Việt Châu (sau này giữ chức Phó Thủ tướng) chỉ huy đội quân quyết tử đột kích đánh sân bay Gia Lâm. Đây là một trong những trận đánh đầu tiên ta dùng các đội quân đặc biệt đột kích vào sâu trong lòng địch. Một chiến sỹ tên là Đỗ Bằng hy sinh, Hoàng Minh Chính bị thương nhưng tin chiến thắng sân bay Gia Lâm vang dội làm cho địch rất hoang mang và động viên tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân dân ta rất mạnh mẽ lúc bấy giờ.

Rời quân ngũ, ông được giao làm Tổng Thư ký Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Liên đoàn Thanh niên Dân chủ Thế giới, rồi Tổng Thư ký đảng Dân chủ Việt Nam. Những năm 1957- 1960 ông được cử đi học Trường Đảng cao cấp, trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương đảng Cộng sản Liên Xô. Về nước, ông được gọi ý giữ các chức vụ : thứ trưởng Bộ Giáo dục, phó giám đốc trường đảng Nguyễn Ai Quốc, phó chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Kỹ thuật Nhà nước. Tuy nhiên, vì ham mê lý thuyết Marx- Lenin, ông đã xin nhận chức viện trưởng Viện Triết học. Năm 1994, sau 30 năm trở lại, trong một buổi lễ kỷ niệm ở Viện, một cán bộ đã phát biểu về ông như sau : ” Anh (HMC) về phụ trách Viện được vắn vắn có mấy năm rồi phải ra đi. Tuy nhiên, ấn tượng sinh hoạt khoa học ở Viện vài năm đó thật là sôi nổi, hào hứng. Mọi người, và từng người làm việc hết mình. Ba bốn năm đầu của Viện Triết để lại một ấn tượng không phai mờ trong lòng mỗi người dù ở hay đi “.

Vậy đấy, một con người như thế mà họ dám xui đám tay sai khuyển mã lăng mạ ông là tên phản nghịch có nợ máu với nhân dân và năm 1993, ngài đồn trưởng công an phường Lê Đại Hành tên là Nguyễn văn Giản dám chỉ vào mặt ông quát lớn giữa đường phố Hà Nội : ” Mày cam mẹ cái mồm mày đi “. Năm ấy ông đã gần 70, và ngài công an kia thì nhỏ tuổi hơn con ông ! .

Người chiến sỹ cộng sản quyết tử cho tổ quốc quyết sinh bị cộng sản bỏ tù ba lần.

Sau Đại hội XX đảng Cộng sản Liên Xô họp hồi tháng 2 năm 1956, phong trào Cộng sản quốc tế bắt đầu có dấu hiệu rạn nứt, dần dần dẫn đến cuộc đấu tranh một mất một còn giữa những người giáo điều trong ban lãnh đạo đảng Cộng sản Trung Quốc với những người theo chủ nghĩa xét lại trong ban lãnh đạo đảng Cộng sản Liên Xô. Để chuẩn bị tham dự Hội nghị 81 Đảng Cộng sản họp tại Moskva tháng 11 năm 1960, một ngày giữa tháng 9 năm 1960, sau 2 ngày thảo luận bế tắc của Bộ Chính trị, chủ tịch Trường Chinh gọi điện thoại mời Hoàng Minh Chính lên giao nhiệm vụ chuẩn bị lý luận diễn giải và phân tích về những nội dung ý kiến bất đồng trong phong trào cộng sản.

(Những điểm cơ bản bất đồng giữa các bên là : Chủ nghĩa xét lại hiện đại Liên Xô cho rằng :

- 1- Chiến tranh không phải là định mệnh. Các chế độ xã hội khác nhau có thể cùng tồn tại hoà bình
- 2- Các nước xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa không cần đối đầu quân sự mà có thể đua tranh nhau bằng kinh tế.
- 3- Các nước có thể tiến lên chủ nghĩa xã hội bằng phát triển trong hoà bình chứ không nhất thiết qua đấu tranh vũ trang.
- 4- Điều kiện quyết định để chiến thắng chủ nghĩa tư bản là các nước xã hội chủ nghĩa phải tạo ra một năng suất xã hội cao hơn hẳn so với các nước tư bản chủ nghĩa
- 5- Chống sùng bái cá nhân. mở rộng dân chủ trong đời sống xã hội và trong các đảng cộng sản và công nhân quốc tế.

Chủ nghĩa giáo điều Mao-it thì cho rằng :

- 1- Bản chất chủ nghĩa tư bản đế quốc là xâm lược. Còn đế quốc, còn chiến tranh, chiến tranh là tất yếu
- 2- Chiến tranh hạt nhân không đáng sợ. Đế quốc Mỹ chỉ là con hổ giấy có răng nguyên tử. Chiến tranh nguyên tử nổ ra thậm chí còn có lợi vì nó sẽ chôn vùi đế quốc sạch sành sanh để sau đó trên trái đất chỉ còn chủ nghĩa xã hội trăm lần tốt đẹp hơn.
- 3- Các dân tộc A, Phi , Mỹ La tinh đoàn kết lại chống hai siêu cường là đế quốc Mỹ và đế quốc xã hội xô viết

4- Liên xô là con ngựa thành Troia , kẻ thù nguy hiểm số một của cách mạng thế giới

5- Chính quyền nở từ họng súng. Giành được chính quyền là được tất cả. Chiến tranh cách mạng là con đường duy nhất giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp

6- Làm cách mạng thường trực, tạo thời cơ giải phóng toàn nhân loại. Chủ nghĩa Marx- Lenin, tư tưởng Mao Trạch Đông là thống soái. Gió Đông thổi bạt gió Tây.)

Thời gian gấp nên thời hạn chuẩn bị chỉ được phạm vi trong một ngày. Nghe Hoàng Minh Chính trình bày xong, chủ tịch Trường Chinh triệu tập Bộ Chính trị lại ngay để báo cáo và đã đạt được sự nhất trí cơ bản. Đoàn đại biểu cấp cao của đảng Cộng sản Việt Nam do chủ tịch Đảng Hồ Chí Minh dẫn đầu. Thành viên có tổng bí thư Lê Duẩn và uỷ viên Bộ Chính trị Nguyễn Chí Thanh. Kết thúc hội nghị, một bản tuyên bố chung ghi đầy đủ các quan điểm của đảng Cộng sản Liên Xô đã được thông qua. Cả 81 Đảng nhất trí ký kết Tuyên bố chung, trong đó có đảng Cộng sản Việt Nam.

Tuy nhiên, cuối năm 1963, không hiểu do đâu, Bộ Chính trị bỗng nhiên triệu tập hội nghị Ban Chấp hành Trung ương IX, khoá III. Bản nghị quyết IX của hội nghị này quay ngoắt từ lập trường đã thống nhất với tuyên bố chung của 81 đảng Cộng sản sang lập trường của chủ nghĩa giáo điều Mao-it. Điều đáng lưu ý là chủ tịch Hồ Chí Minh và nhiều uỷ viên trung ương đã không tham gia biểu quyết nghị quyết IX, và, một phần nội dung rất quan trọng không được ghi trong văn bản mà sau đó chỉ được phổ biến bằng miệng. Tại Hội nghị các cán bộ cao cấp và trung cấp gồm chừng 400 người họp tại hội trường Ba Đình trong tháng 1 năm 1964 để học tập Nghị quyết IX lớp đầu tiên, chủ tịch Trường Chinh tuyên bố ” Các đồng chí cần đặc biệt lưu ý một điều là Nghị quyết IX, do tình hình phức tạp trong phong trào cộng sản quốc tế, không thể viết hết ra những điều cần nói nhưng phải hiểu rằng : đường lối đối ngoại và đối nội của Đảng và Nhà nước ta là thống nhất cơ bản với đường lối đối ngoại và đối nội của đảng Cộng sản và Nhà nước Trung Quốc “.

Trước tình hình đó, Hoàng Minh Chính đã gửi hai bản kiến nghị. Một bản phê phán Bộ Chính trị của ta đã tự ý từ bỏ nguyên tắc đồng thuận đã được cam kết trong bản Tuyên bố chung 81 đảng Cộng sản. Một bản phê phán những sai trái của trung ương đảng Cộng sản Trung Quốc trong chiến dịch đả kích đường lối của đảng Cộng sản Liên Xô mà đường lối này là được thực hiện theo tinh thần Tuyên bố chung.

Kết quả là ông Hoàng Minh Chính bị ông Lê Đức Thọ bất chấp luật pháp, không đếm xỉa gì đến Hiến pháp, không cần xét xử, ra lệnh bắt bỏ tù và đích thân tuyên án : cách chức viện trưởng Viện Triết học, khai trừ đảng tịch, tước quyền công dân, biệt giam cho đến khi nào chịu hồi cải.

Lần này ông bị ngồi tù 5 năm và sau đó là tiếp tục lệnh quản chế.

Tháng 6 năm 1981, nhân kỳ họp lần thứ nhất Quốc hội khoá VII, ông lại gửi bản kiến nghị nêu lên những sai sót khuyết điểm trong các chủ trương chính sách đối nội và đối ngoại do rập khuôn theo Mao-it Trung Quốc đẩy đất nước vào khổ nghèo nghiêm trọng, lại do mất cảnh giác nên đã bị Trung Quốc đưa 6 vạn quân đánh vào 6 tỉnh biên giới phía bắc gây cảnh chết chóc tan hoang. Ông yêu cầu phải sớm cải thiện đời sống nhân dân, phải đổi mới cơ cấu tổ chức, giải quyết hiệu quả các vụ bê bối nghiêm trọng cấp nhà nước đồng thời mở rộng tự do dân chủ cho nhân dân. Ông cũng thẳng thừng tố cáo ông Lê Đức Thọ về tội lộng quyền, bất chấp luật pháp, bất kể đạo lý, tùy tiện bắt bớ, giam cầm, đầy đoạ nhiều người vô tội, có công với cách mạng.

Thế là cuối năm 1981 ông lại bị bỏ tù lần thứ hai mà không hề được đưa ra xét xử . Lần này họ đưa ông đi biệt giam ở Hải Hưng với những đòn tra khảo gấp bội lần trước. Ông viết thư kể: “.... Từ nước ăn uống đến tắm giặt đều phải dùng thứ nước cống rãnh chảy xuống giếng. Nhiều bữa bắt ăn cơm nhạt không cho tới cả hạt muối. Nhiều ngày bắt nhịn khát khô cổ. Ôm đau không cho khám bệnh, không cho thuốc uống. Từ những lời nhục mạ hèn mạt đều cáng trắng trợn đến những đòn tâm lý chiến đánh vào lòng tự trọng và tình cảm thiêng liêng của con người, thậm chí đưa cả đàn bà con gái tham gia vào tâm lý chiến, từ việc gây tiếng ồn phá giấc ngủ mỗi đợt từ đêm bảy ngày đến nửa tháng liền cho đến việc khiêu khích có tổ chức, cho cả chục công an tham gia lăng nhục, cho tới cả việc đầu độc hai lần tù nhân chính trị Hoàng Minh Chính trong năm 1984 (có bác sỹ khám nghiệm liền đó và chứng nhận), rồi vụ cho một chục nhân viên CA xông vào bẻ tay nắm tóc lôi và bóp cổ công dân Hoàng Minh Chính tới chết giấc (lúc 9 giờ sáng ngày 30 tháng 3 năm 1986). v.v... “. Có công an viên từng tuyên bố thẳng thừng : ” Tôi sẽ giết anh, tay tôi đã từng vấy máu. Anh là tên phản cách mạng “.

Tuy không có án, ông vẫn bị cầm tù 6 năm và sau đó bị quản chế tại nhà cho đến năm 1990.

Lần tù thứ ba, chỉ 12 tháng, và là lần tù duy nhất được đem xét xử tại tòa.

Tuy nhiên, hãy xem tội trạng đưa ông vào tù được ghi trong bản án xử ngày 8 tháng 11 năm 1995 là như sau :

” Ngày 26 tháng 11 năm 1993, Trần Ngọc Nghiêm mang 12 loại tài liệu (trong đó có tài liệu đòi xoá bỏ điều 4 Hiến pháp đã được Quốc hội nước CHXHCNVN cơ quan đại diện cho ý chí của nhân dân thông qua ngày 15-4-1992) đi photocopy để tán phát, thì bị công an phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội phát hiện, lập biên bản thu giữ.

Từ năm 1994 và trong những tháng đầu năm 1995, Trần Ngọc Nghiêm đã lợi dụng quyền tự do ngôn luận để trả lời phỏng vấn người nước ngoài như Italia, Pháp, Hoa Kỳ, Ba Lan, đều được ghi lại trên băng caset. Khi trả lời phỏng vấn, Trần Ngọc Nghiêm đã xuyên tạc sự thật về đất nước ta như : ” ... dân không được nói ở đâu cả...” ” Báo Đảng, báo của nhà nước, không có một tờ báo nào gọi là báo tự do ” (Bản dịch băng số 6 ngày 23-6-1995 – Bút lục 117-121) ”

Ngoài tội trên, Hoàng Minh Chính còn bị kết tội chỉ vì đã nhận và tán phát một số bài viết của Đỗ Trung Hiếu- một cán bộ công giáo vận tâm cỡ của ta trong kháng chiến chống Mỹ ở Miền Nam –

Những số phận bị đẩy đoạ trong cái gọi là vụ án Xét lại – Chống Đảng

Cùng với Hoàng Minh Chính, những người bị bắt, bị hãm hại trong cái gọi là vụ án Xét lại- Chống Đảng lên đến hàng trăm, gồm có : Đặng Kim Giang – thiếu tướng, thứ trưởng Bộ Nông trường, bí thư khu uỷ Liên khu Ba, phó chủ nhiệm Tổng cục hậu cần mặt trận Điện Biên Phủ, tù nhân Sơn La thời Pháp thuộc; Vũ Đình Huỳnh – Vụ trưởng Lễ tân Bộ Ngoại giao, nguyên là bí thư riêng của chủ tịch Hồ Chí Minh, cựu tù nhân Sơn La. Nguyễn văn Vịnh – trung tướng, thứ trưởng Bộ Quốc phòng, chủ tịch Ủy ban Thống nhất Trung ương. Nguyễn Minh Cẩn – uỷ viên thường vụ Thành uỷ Hà Nội, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Hà Nội, chủ nhiệm báo Thủ đô Hà Nội; Trần Minh Việt – Phó Bí thư thành uỷ Hà Nội, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Hà Nội; Dương Bạch Mai – Phó Chủ tịch Quốc hội, Tổng thư ký Hội Hữu nghị Việt Xô ; Bùi Công Trùng – Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Kỹ thuật Nhà nước, Ủy viên Trung ương Đảng; Ung văn Khiêm – nguyên bộ trưởng Ngoại giao, nguyên bí thư xứ uỷ Nam Kỳ, Ủy viên Trung ương Đảng; Lê Liêm – Thứ trưởng Bộ Văn hoá, Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Chính uỷ mặt trận Điện Biên Phủ; Lê Trọng Nghĩa – Cục trưởng Cục 2 (Cục Tình báo quân đội); Lê Minh Nghĩa – đại tá, Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng; Đỗ đức Kiên – đại tá, cục trưởng Cục Tác chiến; Phan Kỳ Vân – Phó Tổng Biên tập Tạp chí Học tập, cựu tù nhân Sơn La; Hoàng Thế Dũng – Tổng Biên tập báo Quân đội Nhân dân; Nguyễn

Kiên Giang – Phó Giám đốc nhà xuất bản Sự thật, nguyên tỉnh uỷ viên tỉnh uỷ Quảng Bình; Lê Vinh Quốc – đại tá, chính uỷ sư đoàn 308, phó chính uỷ khu Ba; Văn Doãn – thượng tá, tổng biên tập báo Quân đội Nhân dân cuối thập niên 50; Minh Tranh – giám đốc nhà xuất bản Sự thật; Phạm Quang Đức – cán bộ ngoại giao Vụ Bắc Mỹ. Các nhà nghiên cứu, nhà khoa học, cán bộ quân đội, nhà văn, nhà báo, nhà điện ảnh : Vũ Huy Cương, Huy Vân, Vũ Thư Hiên, Đinh Chân, Lưu Động, Trần Thư, Nguyễn Hồng Sỹ, Trần Châu, Nguyễn Gia Lộc, Phùng văn Mỹ, Bùi Ngọc Tấn, Tuấn Nguyễn, Phan Thế Vân, Nguyễn văn Thắm, Phạm Viết, Nguyễn thị Ngọc Lan, Mac Lân, Trần Đình, Đặng Cán, Nguyễn Cận, Đặng đình Cầu, Mai Luân, Mai Hiến, Quảng Hân, Khắc Tiếp, Đào Phan (tức Đào Duy Dính) ...

Tất cả đều bị bức hại đoạ đầy thê thảm. Nhà báo Văn Doãn phần uất tự tử năm 1972. Phó chủ tịch Quốc hội Dương Bạch Mai đột tử ngày 4-4-1964 tại cuộc họp Quốc hội, giữa giờ giải lao ban sớm, sau khi uống một cốc bia tại hội trường, mà dư luận cho là bị đầu độc. Nhiều người đã lìa bỏ cuộc đời mà vẫn mang mối hận chất chứa trong lòng sang thế giới bên kia : Đặng Kim Giang, Lê Liêm, Ung văn Khiêm, Nguyễn văn Vịnh, Trần Minh Việt, Tuấn Nguyễn, Vũ Huy Cương, Hoàng Thế DũngHầu hết đều chết mòn chết mỏi trong cảnh ” đăm đuổi người trên cạn” ngay giữa xã hội mà mình từng hiến cả tuổi xanh xả thân vì nó.

Cảnh cầm cố, tù đầy dã man đã được mô tả trong mấy tác phẩm lớn : ” Chuyện kể năm 2000 ” của Bùi Ngọc Tấn, ” Đêm giữa ban ngày ” của Vũ Thư Hiên, ” Một người tù xử lý nội bộ ” của Trần Thư. Sau đây là mấy tiếng kêu than của bạn bè, thân thích của một vài trong các đối tượng trên :

” Rồi ” phúc bất trùng lại, hoạ vô đơn chí “, vài tháng sau ngày ông Huỳnh bị bắt, con trai tôi – Vũ Thư Hiên, biên tập viên Báo ảnh Việt Nam – cũng bị bắt trên đường về nhà, cũng bị biệt giam, cũng chẳng có một toà án nào xét xử xem nó bị tội gì ? Hai bố con bị biệt giam mỗi người một nơi. Vũ Thư Hiên sau đó bị nhốt chung với tù hình sự. Đến năm 1976, sau 9 năm bị giam giữ không có án, con tôi mới được tha về.

Những năm sau đó, báo chí bị cấm không được nhắc tới cái tên Vũ Đình Huỳnh, cấm không được đăng ảnh Bác Hồ mà trong ảnh đó có ông Huỳnh. Các báo và các nhà xuất bản bị cấm không cho cái tên Vũ Thư Hiên được xuất hiện trên sách báo – dù chỉ là dịch giả “Truyện ngắn Pautopxki ” (Tập truyện này theo yêu cầu của nhiều độc giả, đã được tái bản dưới cái tên Kim Ân, là vợ của Vũ Thư Hiên) –

.....Nhưng thiếu ăn, thiếu mặc không khủng khiếp bằng nỗi khổ tinh thần : bạn mình, bạn chồng xa lánh vì sợ liên lụy, con cái bị trù dập..... ” (Trích đơn yêu cầu đưa ra xét xử công khai vụ án ” Xét lại- Chống Đảng ” viết ngày 20-02-1994 của bà Phạm thị Tề)

” Phần vì nhiều năm tù tội quá – cả cuộc đời 73 tuổi mà 12 năm tù đế quốc, 7 năm tù ta, kể cả cầm cố và quản thúc, tất cả ba lần tù là 25 năm – , phần vì bị chà đạp nhiều, phần vì cuối đời sống trong túng thiếu, cực khổ, thuốc men không có, bị truy bức hành hạ liên tục nên sau một đêm mưa gió, bị đột ướn người cảm lạnh rồi nhồi máu cơ tim, anh Đặng Kim Giang đã chết. Chết chính trong túp nhà lá đột nát đổ nước vào người anh đó !

Từ khi được thả về , ốm liệt giường nhưng không có tiêu chuẩn điều trị, thuốc men ăn uống thiếu thốn... Lúc hấp hối vẫn có hai công an ngồi kèm. Tôi phải bảo họ ra ngoài anh ấy mới nhắm được mắt.

Ngày 16-5-1983, tôi có đánh 3 bức điện : một cho ông Lê Đức Thọ- Ban Tổ chức Trung ương-, một cho ông Nguyễn Ngọc Trừu- Bộ Nông nghiệp-, một cho ông Chu Huy Mân (quân đội) báo tin chồng tôi chết. Nhưng không có ai đã động gì, Không một nén hương, không một bông hoa, không một đồng xu cho đồng chí xấu số !.Tôi đã bán quần áo và quỳen góp trong số bạn bè tù cũ Sơn La để chôn cất.

Bao nhiêu công lao đóng góp cho dân cho nước mà khi chết đi, xác được liệm trong một cỗ quan tài gỗ tạp, ghép 11 mảnh. Con tôi phải giã gạch và cơm nếp để bít những khe hở ! Chôn anh ở nghĩa trang Văn Điển một ngày mưa hồ đầy nước nhầy nhụa những mảnh quần áo của người vừa được cải táng sót lại !

Một tuần sau, Ban Tổ chức Trung ương cho người cầm đến 80 đồng đưa cho tôi , nhưng tôi không lấy vì việc chôn cất Đặng Kim Giang đã xong rồi.

.....Tôi được biết, ở Bộ Nông trường lúc đó , các đề nghị xây dựng của anh Đặng Kim Giang như : khuyến khích vật chất, chia ruộng phần trăm cho nông dân, hợp tác với các nước trong khối SEV, đầu tư liên doanh cho các nông trường (những việc này hiện nay đã làm) đều bị coi là ” chủ trương xét lại “. Những ai ủng hộ đều bị hành hạ, loại bỏ ” (Trích thư ngày 2-3-1995 của vợ ông Đặng Kim Giang, bà Nguyễn thị Mỹ, gửi các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước).

Đối xử với nhau dã man, tàn bạo đến cùng cực như vậy nhưng thư chia buồn gửi đến gia đình trong tang lễ ông Vũ Đình Huỳnh, Lê Đức Thọ viết : ” Tôi rất thương và nhớ anh, anh là đồng chí tốt, khuyết điểm trong thời gian qua chỉ là nhất thời. Lúc anh ra tù trước cách mạng Tháng Tám năm 1945 và khi mới giành được chính

quyền anh đã có công đóng góp phần mình vào công tác chung của Đảng. Đảng không bao giờ quên những đóng góp của anh trong thời gian đó “.

Ông Nguyễn Đình Hương – trưởng Ban Bảo vệ Chính trị Nội bộ của Đảng thì nói với bà Lê Hồng Ngọc (bà là vợ ông Hoàng Minh Chính, kỹ sư Hoá, giác ngộ và tham gia cách mạng từ rất sớm, được kết nạp Đảng năm 1948 tại chiến khu Việt Bắc. Năm 1984 bà bị ép viết đơn xin ra khỏi Đảng vì đã viết thư gửi lãnh đạo Đảng và Nhà nước minh oan cho chồng) : ” Tôi kính trọng anh Chính và công lao thành tích của Anh, đây không phải là vấn đề địch ta, cũng không phải là tội , mà chỉ là khuyết điểm “.

Người đi giải oan cũng lâm cảnh lao lung

Ông Nguyễn Trung Thành, nguyên là vụ trưởng Vụ Bảo vệ Đảng, thuộc Ban Tổ chức Trung ương, nguyên Ủy viên thường trực Ban Bảo vệ Đảng Trung ương và là chuyên viên giúp Ban Tổ chức Trung ương về công tác bảo vệ chính trị nội bộ, ngày 3 tháng 2 năm 1995 đã gửi thư cho tổng bí thư Đỗ Mười, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cố vấn Ban Chấp hành Trung ương có nội dung cơ bản như sau :

” Từ năm 1963, tôi được phân công giúp việc cho Ban Bí thư, Ban Tổ chức Trung ương, theo dõi và làm một phần trong vụ án nói trên trong nhiều năm với sự phối hợp của các đồng chí : Trần Hữu Đắc (Ủy ban Kiểm tra TW), Trần Quyết – Cục trưởng-, Hoàng Thao- Phó Cục trưởng- và các cán bộ thuộc Bộ Công an nay là Bộ Nội vụ, Kính Chi- Cục trưởng, Tổng cục Chính trị

Trong hàng chục năm trước đây, do chỗ chỉ được biết từng bộ phận riêng lẻ của tài liệu nên tôi vẫn tin rằng các kết luận của Bộ Chính trị và của Trung ương đối với vụ án là đúng đắn, là chính xác.

Gần đây do có nhiều đơn khiếu nại liên tục của những người bị xử trí và thân nhân trong vụ án, do có thư đề nghị của nhiều cán bộ đảng viên và theo chỉ thị của trên, đồng chí Nguyễn Đình Hương, trưởng ban Bảo vệ Chính trị nội bộ có giao cho tôi nắm lại toàn bộ vụ án để báo cáo với Ban Bí thư Trung ương. Trong hơn một năm qua, tôi có điều kiện và đầy đủ thời gian, nghiên cứu lại toàn bộ các hồ sơ tài liệu của vụ án, đi sâu phân tích các tài liệu, so sánh đối chiếu các tài liệu điều tra, các lời khai cung, các biên bản của những cuộc họp của ban chỉ đạo vụ án, các đơn khiếu nại trước và nay v.v...

Qua nghiên cứu lại một cách tỷ mỷ, nghiêm túc và thận trọng, tôi nhận thấy một cách có căn cứ rằng Bộ Chính trị và Trung ương Đảng trước đây khi kết luận về vụ án đã tin vào những báo cáo của ban chỉ đạo vụ án. Những báo cáo đó đã không

dựa vững chắc trên những cơ sở khách quan có thực mà chỉ dựa trên một số lời khai (Bản thân những lời khai này có nhiều mâu thuẫn giữa người này với người khác và giữa lời khai trước và sau của cùng một người) mà không được xác minh cẩn thận. Hơn nữa, lời khai của can phạm khi đang bị công an bắt giữ không có giá trị pháp lý đích thực. Ngay lúc công bố kỷ luật, có người đã chối không nhận kết luận. Sau này hầu hết đã cùng thân nhân khiếu oan.

Do báo cáo của ban chỉ đạo thiếu những cơ sở chứng cứ nên các kết luận của Bộ Chính trị và của Trung ương đều thiếu cơ sở xác thực .

Từ việc phân tích, đối chiếu các tài liệu điều tra và các bản khai cung, rõ ràng không thể quy cho những người đã bị bắt về những tội : chống Đảng, chống Nhà nước có tổ chức, có cương lĩnh, cung cấp tình báo cho nước ngoài v.v...

..... Với sự thôi thúc của lương tâm hàng ngày hàng giờ bị cắn rứt, tôi cho rằng vấn đề cấp bách hàng đầu hiện nay là phải khẩn thiết giải oan cho những đồng chí đã bị bắt và bị xử trí oan. Điều đó chỉ có lợi cho uy tín của Đảng, cho sự đoàn kết trong và ngoài Đảng, cho sự ổn định chính trị hiện nay.... “.

Nhận thư, ông Đỗ Mười cho gọi ông Nguyễn Trung Thành lên. Đây là đoạn đối thoại giáo đầu:

– Đỗ Mười : Năm nay anh bao nhiêu tuổi ?

– Nguyễn Trung Thành : Tôi 72

– Đ M : Với cái tuổi này, anh nên nghỉ ngơi, làm thơ hoặc trồng cây có lẽ tốt hơn là ngồi viết thư như thế này !

– N T T : Anh 78 mà còn làm việc hết mình vì dân vì Đảng, không lẽ tôi mới 72 mà đã cho mình là hết trách nhiệm với dân, với Đảng

– Đ M : Nhưng tại sao lá thư này anh lại gửi công khai mà không gặp riêng tôi và các đồng chí trong Bộ Chính trị, trong Ban Bí thư, làm kiểu này hỏi rằng Liên Hiệp Quốc nó biết nó vu là ta vi phạm nhân quyền thì tác hại sẽ ra sao !

(Thế đấy, không biết vì sao các nhà lãnh đạo của ta rất sợ sự thật, rất sợ công khai. Cho nên tất cả những ai tôn trọng sự thật, muốn công khai, muốn quang minh chính đại đều không được phép tồn tại. Hoàng Minh Chính chết vì dám công khai nói lên ý kiến mình trên các đài phát thanh quốc tế. Nguyễn Trung Thành chết vì dám công khai nói lên những nhận thức đúng đắn của mình trước một sai trái trước đây. Hoa Kỳ gần đây bị sỉ vả hết lời vì dám nói lên sự thật về tình hình dân chủ và

nhân quyền ở nước ta. trong ” Đạo luật Nhân quyền cho Việt Nam “. Mà cũng lạ, ta đồng ý tuyên bố sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị, nhưng luôn luôn coi các nước Phương Tây, trong đó có Hoa Kỳ, thậm chí cả Liên Hợp Quốc là những đối tượng bao giờ cũng có dã tâm đối với Việt Nam, là thù địch).

Ông Lê Hồng Hà, nguyên Ủy viên Đảng đoàn Bộ Công an, nguyên Chánh văn phòng Bộ Công an, ngày 18-7-1995 đã gửi một bức thư cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII phân tích có cơ sở khoa học về những sai trái trong ” Vụ án Hoàng Minh Chính ” :

Nếu bảo rằng đây là hoạt động chống phá có tổ chức thì nó đã được hình thành như thế nào ? từ bao giờ ? ai lãnh đạo ? có điều lệ không ? có cương lĩnh không ? có cấp trên cấp dưới không ? ai là uỷ viên chấp hành ?

Việc quy tội làm tình báo cho nước ngoài có phần hồ đồ và không có căn cứ chính trị pháp lý. Nói hồ đồ là vì không thể quy hàng trăm người dính vào vụ án đều có tội làm tình báo được. Công tác tình báo chỉ có thể là việc làm của một vài người cá biệt nào đó mà thôi. Vậy đó là những người nào ? họ lấy tin tình báo gì ? họ chuyển giao cho ai ? ở đâu ? ngày giờ nào ?

Sở dĩ nói không có căn cứ chính trị pháp lý vì tội tình báo bao giờ cũng gắn liền với việc phục vụ cho một nước ngoài đối địch với nước ta. Đây lại là Liên Xô, vốn là đồng minh chiến lược lúc bấy giờ đang dốc bao nhiêu nhân lực, vật lực tài lực cho ta đánh Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Người ta sau này cứ tưởng rằng Trung ương khoá III và Bộ Chính trị lúc đó tập thể lãnh đạo việc phá án này. Thực ra mãi tới tháng 3 năm 1971, Bộ Chính trị mới họp để nghe về vụ án và mãi tới tháng 1 năm 1972 Ban Chấp hành Trung ương mới họp , nghe báo cáo về vụ án

Không hề có một ban chỉ đạo với 8 uỷ viên trung ương để chỉ đạo vụ án mà mãi đến tháng 11-1968 ban này mới được lập ra để giải quyết những việc còn sót lại của vụ án. Vì vậy, trong cả quá trình, suốt từ 1963 đến cuối năm 1968, toàn bộ công việc điều tra, bắt bớ, quy tội đều do ông Lê Đức Thọ quyết định. Tuy luôn luôn nhân danh Bộ Chính trị nhưng không hề có một nghị quyết nào của Bộ Chính trị cả. Ông Lê Đức Thọ chỉ sử dụng một số cán bộ của ngành công an, bảo vệ, quân đội và tổ chức trung ương. Toàn bộ cán bộ của ngành kiểm sát, của tòa án, không hề được tham dự, không hề được biết và được hỏi gì cả, nghĩa là bị gạt hoàn toàn ra khỏi vụ án.

Chính vì vậy, chẳng có quyết định khởi tố, chẳng có quyết định truy tố, chẳng có cáo trạng, chẳng có phiên tòa, chẳng có hội đồng xét xử, chẳng có người bào chữa, người bị cáo chẳng có quyền xem xét bản cáo trạng, bản kết tội đối với mình, chẳng có quyền kháng cáo gì cả. Cho đến ngày nay không ai biết là mình bị quy kết những tội gì (Vì thực tế, không ai phạm bất cứ tội gì so với luật pháp)

Ông Nguyễn Trung Thành không có quan hệ riêng tư gì với ông Hoàng Minh Chính. Ông làm việc lâu năm trong lĩnh vực này, lại từng là người trực tiếp tham gia xử lý vụ án nên nói chung ông hiểu biết công việc tường tận và nắm rất vững các nội dung cụ thể. Lý lẽ của ông Lê Hồng Hà, một người đã từng giữ những cương vị cao trong ngành công an cũng hết sức thuyết phục. Và chẳng, cứ nghe đoạn đối thoại giữa ông Đỗ Mười với ông Nguyễn Trung Thành cũng đủ biết rằng trong thâm tâm, ông Đỗ Mười cũng phải thừa nhận vụ án dựng lên là một sai trái. Khi đối thoại, không thấy ông Đỗ Mười phê phán ông Nguyễn Trung Thành đã trình bày vấn đề sai ở chỗ nào mà chỉ quả trách ông sao lại dám công khai cái sai cái xấu của Đảng. Ông muốn lẽ ra Nguyễn Trung Thành chỉ được đến nói riêng với ông để chúng ta cùng biết và cùng tìm cách im đi.

Và, rồi thế là, cả Lê Hồng Hà lẫn Nguyễn Trung Thành đều bị khai trừ khỏi Đảng. Khai trừ khỏi Đảng, chỉ vì hai ông muốn phấn đấu sống có lương tri, tôn trọng sự thật, công lý và nhân phẩm.

Hoàng Minh Chính vẫn cứ ” ở với lửa than cho vện kiếp. Thử xem sắt đá có bền gan “

Nhà thơ, nhà thư pháp Chu Thành viết tặng Hoàng Minh Chính hai câu thơ trên của Trần Khánh Dư. Hai câu này được treo ngay trước bàn làm việc của Hoàng Minh Chính, mà cả tôi cũng lấy làm tâm đắc.

Trong những ngày lục tìm tư liệu để cố hiểu cho được một cách đúng đắn rằng vì sao người chiến sỹ cộng sản đã từng xả thân quyết tử cho tổ quốc quyết sinh này lại bị chính cộng sản Việt Nam bỏ tù đến ba lần, tôi có đọc được một số bức thư riêng của ông :

Thư ông gửi cho trưởng Ban Bảo vệ Đảng Nguyễn Đình Hương đề ngày 5 tháng 12 năm 1995 : ” Có lẽ anh cũng đã nghe phản ánh rằng, trong phút đầu tiên của buổi đầu tiên, tôi đã nói ngay rằng ” Cả cuộc đời tôi cống hiến vì dân vì nước, Bây giờ còn tháng năm cuối cùng cuộc đời tôi đặt trọn vện lên bàn thờ Tổ quốc, còn thân xác tôi, tôi đặt dưới chân nhân dân” Lúc này, có lẽ nên bàn một vấn

đề cấp thiết và thực dụng mà nhiều quốc gia/ dân tộc đặt lên hàng đầu, mà riêng với Việt Nam ta lại là yêu cầu bức xúc:

Làm sao thực hiện được phương châm/ mục tiêu tối thượng là phát triển xã hội với tốc độ tối ưu trong hoà bình, an ninh bằng cách huy động được tối đa tiềm năng, nội lực vô cùng phong phú của toàn dân (đồng bào trong nước 73 triệu, đồng bào Việt kiều gần 2 triệu) kết hợp với ngoại lực thế giới đầy năng động đang phát triển như vũ bão

Thời đại vòng cung lịch sử hiện nay (tournant historique) có nhiều thời cơ tốt đẹp và cũng đầy rẫy thách thức rợn người

Chỉ có toàn thể nhân dân Việt Nam đồng thuận hiệp lực mới giải đáp nổi bài toán lịch sử của thời đại văn minh đang đặt ra đó. Toàn thể nhân dân là các giai tầng nào, các giới sắc nào, các thành tố nào ? Tiềm năng, tâm tư, thái độ của họ đã được nghiên cứu, phân tích khoa học để thấu hiểu được chưa ? Muốn vậy tôi thiên nghĩ, trước hết phải thay đổi tận gốc phương pháp tư duy cũ (duy ý chí/ chính trị là thống soái/ tư duy Mao-it) và cách hành sự cũ (tiểu nông/ kinh nghiệm chủ nghĩa/ nhìn cây, quên rừng) ... “

Thư ông gửi Vũ Huy Cương đề ngày 25 tháng 10 năm 1997 (do Vũ Huy Cương đưa cho tôi):

” Tôi muốn thổ lộ với Cậu đôi điều bí mật của riêng tôi. Chẳng là, Nhà nước ta muốn bùng bít điều gì thì đóng ngay vào đó cái dấu Bí Mật, thậm chí Tối Mật. Chính vì vậy mình phải phòng xa bằng việc giữ BM câu chuyện cách đây 5 tháng, hôm nay mới nói ra với Cậu.

Cuộc gặp giữa tướng LKP với tôi hôm 26/5/1997 có vài điều thú vị và khá quan trọng. Hôm đó tướng P. nhường lời cho tôi nói trong suốt cuộc gặp 1, 30 h, có đề sẵn giấy bút và đã ghi những ý kiến của tôi.

Tóm tắt như sau :

Tôi trình bày khái quát về thế giới hiện đại (sau sự sụp đổ của hệ thống CSCNTG) và vị thế hiện nay của Hoa Kỳ là siêu cường duy nhất. Hoa Kỳ hiện nay vẫn đang giữ vai trò chủ đạo trên các bình diện kinh tế, chính trị, khoa học, quân sự trên thế giới.

Việt Nam rất cần coi Hoa Kỳ là đối tác chiến lược số một, quan trọng nhất của mình, vì nhu cầu tăng trưởng kinh tế bền vững lâu dài, vì an ninh trước mắt và mai

sau trước ý đồ xâm lược của TQ đại bá. Do đó VN nên tích cực tranh thủ Hoa Kỳ trên bình diện ngoại giao và chiến lược lâu dài.

Nguy cơ TQ đối với VN là không nhỏ, trước mắt cũng như lâu dài. Chiếm đoạt quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa chỉ là một phần của mưu đồ TQ. Bá chủ Châu Á mới là mưu đồ chính.

Điều quan trọng số một là phải nhận diện cho thật chính xác cục diện thế giới ngày nay trên các bình diện kinh tế, chính trị, khoa học, quân sự; phải phát hiện ra tương đối chính xác lực lượng chủ đạo nào đang chi phối chủ yếu tiến trình của thế giới hiện đại. Nhiều ông lãnh đạo hiện nay nhận diện thế giới ngược đời nên đã coi ” cái đuôi vẩy con chó “, chứ không phải là con chó vẩy cái đuôi. Thế rồi mọi cái đều được các ông đảo ngược và lãnh đạo ngược.

Cũng có một số người bi quan thái quá đặt toàn bộ hy vọng vào tác động của quốc tế xoay chuyển Việt Nam và ngồi chờ dưới gốc sung, tự vô hiệu hoá mình.

... Ngay khi đang bị giam cầm ở B14 tôi đã nghiền ngẫm về vai trò cực kỳ to lớn và nỗi bất hạnh địa ngục của nông dân ta; và tôi đã quyết tâm đứng trước toà để lên án chế độ đầy đoạ nhân dân- mà nhất là nông dân- trong cảnh đói khổ lầm than, mất sạch quyền làm người, quyền sống và quyền tự do dân chủ, mưu cầu hạnh phúc “

Thế đấy, con người ông lúc nào cũng sôi sục, trở trăn vì đất nước, vì nhân dân. Cho nên, ông Nguyễn Khắc Viện trong bức thư gửi chủ tịch hội đồng Nhà nước Trường Chinh đã tha thiết khẩn khoản ” Chúng tôi không mong gì khác là công khai cho biết rõ anh Hoàng Minh Chính có tội lỗi gì, vì tất cả mọi người biết đến vụ này (trong đó có riêng tôi) đều nghĩ rằng anh ấy đã bị oan “. Cho nên, khi ông ra tù, bắt chấp sự cảnh sát ngặt nghèo của công an, người người lũ lượt đến mừng ông, hoa tươi chật nhà, phải xếp đầy cả hiên trước.

Do bị Lê Đức Thọ lũng đoạn và lộng hành, Hoàng Minh Chính và nhiều người con ưu tú của dân tộc, nhiều chiến sỹ dũng cảm, kiên trinh của cách mạng đã bị xử trí oan. Lẽ ra, Đảng và Chính phủ cần xem xét nghiêm túc và khách quan để sửa sai và minh oan cho các ông ấy. Tiếc rằng, việc đó đã đang tâm bị bỏ lơ. Chẳng những thế, đối với ông Hoàng Minh Chính, mỗi ngày người ta càng chất chứa thêm sự tàn bạo lên con người ông và gia đình ông. Cho đến gần đây họ vẫn tiếp tục sách nhiễu, bắt bớ, tra hỏi, làm tình làm tội ông. Ở khu phố ông, người ta đem bôi xấu ông một cách phi pháp trước cuộc họp ba tổ dân phố, không cho ông dự để được

đổi thoại mà bắt vợ ông ngồi nghe để chịu sự sỉ nhục. Tại khu phố nhà luật gia Lê Chí Quang, người ta mớm lời cho một vài tên cò mồi mặt hạng không chỉ lăng nhục vắng mặt Lê Chí Quang (nhưng bắt mẹ Lê Chí Quang phải ngồi nghe) mà còn tranh thủ vu khống, bôi bẩn Hoàng Minh Chính và một số nhà trí thức khả kính khác. Sao lại nhân danh hội nghị do chính quyền tổ chức để làm trò hề tiện như vậy?

Đã qua rồi cái thời có thể hoàn toàn bùng bít thông tin để rồi cứ không ưa ai đều có thể trùm chấn đánh đến chết rồi vu cho là chống Đảng, là gián điệpThế giới ngày nay đã sát lại bên nhau để có thể nghe rõ tức thời cả những suy tư thâm đậm nhân bản, rục rờ trí tuệ của các bậc chí sỹ anh minh lẫn những thì thảo mưu kế hèn hạ của những thủ đoạn vu khống, xuyên tạc bỉ ổi, những chủ trương đàn áp tinh vi, man rợ thay vì bàn bạc dân chủ, tranh luận công khai. Sợ tranh luận công khai, sợ bàn bạc dân chủ chỉ có thể là biểu hiện của gian tà, xảo trá, bất minh, phi nghĩa, vô đạo.

Thông tin ngày nay không những có khả năng chuyển tải nhanh và rộng khắp mà còn đang được lưu giữ đầy đủ, chi tiết, chính xác trong hàng loạt ổ cứng, đĩa mềm. Có thể tạm thời sử dụng bạo quyền để lấn át, để vui dập, để xuyên tạc nhưng chắc chắn sẽ không thể nào chạy tội được trước nhân dân, trong lịch sử. Không phải chỉ có toà án lương tâm, mà khả năng của những phiên toà thực sự công lý ngay trên đất nước này sẽ trở thành hiện thực không sớm thì cũng chẳng còn lâu la lắm nữa. Hãy trông gương, có kẻ đã được vui thây trong cái nghĩa địa cao sang nhất rồi mà phân người vẫn quét đầy lên đó.

Có sai thì hãy dũng cảm sửa sai để trở thành lương thiện. Đức Thích ca Mâu ni nói : ” Thắng một vạn quân không bằng chiến thắng bản thân “. Đức Đạt Lai Lạt Ma lại nói : ” Luật nhân quả là không nhầm lẫn và không thể tránh : mỗi khi ta đang hại người ta là đang tự hại mình. Mỗi khi ta đem hạnh phúc cho người là ta đang đem lại hạnh phúc cho chính ta trong tương lai “

Hà Nội cuối thu Tân Ty

Nguyễn Thanh Giang Nhà A13P9 – Tập thể Phòng không Hoà Mục Phường Trung Hoà – Quận Cầu Giấy